

Phụ lục
KẾT QUẢ THI SÁT HẠCH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN, ĐỢT 1 NĂM 2026
 (Đính kèm Quyết định số ngày tháng 5 năm 2026)
 Ngày thi: 09-10/5/2026

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1	L1-01	Nguyễn Thế An	Nam	12/09/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
2	L1-02	Nguyễn Văn An	Nam	22/04/1984	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
3	L1-03	Trương Thuý An	Nữ	04/08/1974	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
4	L1-04	Đỗ Trọng Anh	Nam	05/09/1983	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
5	L1-05	Vũ Thị Kim Anh	Nữ	02/09/1982	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
6	L1-06	Trần Tuấn Anh	Nam	06/07/1990	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
7	L1-07	Phan Thị Anh	Nữ	11/11/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
8	L1-08	Nguyễn Cẩm Anh	Nam	05/01/1980	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
9	L1-09	Phạm Ngọc Anh	Nữ	19/02/1993	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
10	L1-10	Đoàn Thị Anh	Nữ	19/08/1990	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
11	L1-11	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	18/02/1992	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
12	L1-12	Lê Đức Anh	Nam	10/08/1993	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
13	L1-13	Nguyễn Việt Anh	Nam	30/12/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
14	L1-14	Trần Việt Anh	Nam	06/10/1983	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
15	L1-15	Lê Tuấn Anh	Nam	29/03/1988	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
16	L1-16	Nguyễn Thế Anh	Nam	12/02/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
17	L1-17	Phạm Đắc Hoàng Anh	Nam	14/06/1999	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
18	L1-18	Nguyễn Đông Anh	Nam	10/12/1994	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
19	L1-19	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	07/08/2006	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
20	L1-20	Nguyễn Đức Anh	Nam	25/12/1982	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
21	L1-21	Lâm Quỳnh Anh	Nữ	15/09/2001	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
22	L1-22	Kiều Ngọc Anh	Nam	10/11/1985	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
23	L1-23	Dương Thị Vân Anh	Nữ	19/06/1981	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
24	L1-24	Đình Tuấn Anh	Nam	17/04/1998	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
25	L1-25	Vũ Thị Ngọc Anh	Nữ	29/07/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
26	L1-26	Lê Lan Anh	Nữ	11/10/1989	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
27	L1-27	Phạm Thị Kim Anh	Nữ	27/06/1984	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
28	L1-28	Khuất Tuấn Anh	Nam	14/10/1996	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
29	L1-29	Vũ Duy Anh	Nam	13/08/1994	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
30	L1-30	Nguyễn Hải Anh	Nam	08/04/2003	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
31	L1-31	Phạm Quốc Anh	Nam	26/10/1990	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
32	L1-32	Triệu Thị Lan Anh	Nữ	25/12/1992	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
33	L1-33	Đình Trung Anh	Nam	10/11/1998	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
34	L1-34	Lại Tuấn Anh	Nam	25/10/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
35	L1-35	Nguyễn Thị Kim Ánh	Nữ	15/10/2003	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
36	L1-36	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	19/11/1991		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
37	L1-37	Đào Thị Ánh	Nữ	02/09/1990	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
38	L1-38	Bùi Hữu Ba	Nam	11/03/1984	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
39	L1-39	Trần Thị Bắc	Nữ	22/10/1991	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
40	L1-40	Doãn Văn Bắc	Nam	19/12/1994	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
41	L1-41	Nguyễn Tất Bắc	Nam	12/10/1993	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
42	L1-42	Đào Văn Bắc	Nam	01/12/1972		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
43	L1-43	Mạc Xuân Bách	Nam	31/10/1988	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
44	L1-44	Nguyễn Việt Bách	Nam	30/11/1995	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
45	L1-45	Lê Văn Ban	Nam	27/02/1999	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
46	L1-46	Đào Thị Bằng	Nữ	07/09/1987	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
47	L1-47	Nguyễn Ngọc Bằng	Nam	08/12/1976	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
48	L1-48	Vương Thị Bằng	Nữ	18/12/1991	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
49	L1-49	Nguyễn Công Bằng	Nam	26/11/1982	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
50	L1-50	Đoàn Đức Bảo	Nam	10/03/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
51	L1-51	Phạm Thị Bích	Nữ	08/09/1985	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
52	L1-52	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	01/04/1980	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
53	L1-53	Phùng Văn Biên	Nam	30/05/1992	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
54	L1-54	Lê Công Bình	Nam	08/10/1988	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
55	L1-55	Nguyễn Văn Bình	Nam	01/08/1976	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
56	L1-56	Trương Thị Bình	Nữ	10/03/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
57	L1-57	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	15/08/1974	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
58	L1-58	Tạ Thị Bình	Nữ	10/09/1981	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
59	L1-59	Nguyễn Đức Bình	Nam	03/12/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
60	L1-60	Thiều Thị Bình	Nữ	10/12/1992	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
61	L1-61	Lương Văn Bộ	Nam	27/01/1997	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
62	L1-62	Nguyễn Tiến Bộ	Nam	20/01/1990	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
63	L1-63	Phan Xuân Càn	Nam	14/01/1975	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
64	L1-64	Nguyễn Văn Cảnh	Nam	12/06/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
65	L1-65	Dương Văn Cảnh	Nam	01/02/1982	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
66	L1-66	Phạm Văn Cảnh	Nam	09/04/1991	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
67	L1-67	Trương Đình Cây	Nam	05/09/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
68	L1-68	Nguyễn Văn Chấn	Nam	30/10/1985	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
69	L1-69	Nguyễn Đức Châu	Nam	08/02/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
70	L1-70	Trần Thị Kim Chi	Nữ	07/04/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
71	L1-71	Trần Linh Chi	Nữ	01/11/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
72	L1-72	Nghiêm Xuân Chí	Nam	08/07/1984	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
73	L1-73	Đình Công Chiêm	Nam	30/06/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
74	L1-74	Nguyễn Quyết Chiến	Nam	26/10/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
75	L1-75	Nguyễn Văn Chiến	Nam	01/10/1991	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
76	L1-76	Nguyễn Văn Chiến	Nam	06/06/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
77	L1-77	Mai Văn Chiến	Nam	07/05/1995	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
78	L1-78	Đỗ Đức Chiến	Nam	10/10/1976	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
79	L1-79	Trần Thị Chinh	Nữ	09/05/1978	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
80	L1-80	Lê Tô Chinh	Nữ	28/10/1991	90,00	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
81	L1-81	Vũ Đức Chính	Nam	03/10/1998	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
82	L1-82	Vương Văn Chính	Nam	19/04/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
83	L1-83	Nguyễn Danh Chúc	Nam	08/12/2004	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
84	L1-84	Phạm Thị Chung	Nữ	10/06/1986	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
85	L1-85	Nguyễn Văn Chung	Nam	12/07/1987	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
86	L1-86	Lê Thị Kim Chung	Nữ	17/12/1986	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
87	L1-87	Tạ Thành Chung	Nam	26/04/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
88	L1-88	Lê Thị Chuyên	Nữ	22/04/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
89	L1-89	Đỗ Thành Công	Nam	24/05/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
90	L1-90	Nguyễn Chí Công	Nam	01/02/2001	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
91	L1-91	Đỗ Văn Công	Nam	16/07/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
92	L1-92	Mai Văn Công	Nam	16/12/1994	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
93	L1-93	Tô Văn Công	Nam	20/07/1985	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
94	L1-94	Hàng A Cửa	Nam	20/01/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
95	L1-95	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	29/07/1995	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
96	L1-96	Hoàng Văn Cung	Nam	01/10/1978	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
97	L1-98	Lý Kim Cương	Nam	16/06/1988	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
98	L1-99	Đinh Kim Cương	Nam	17/05/1987	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
99	L1-100	Nguyễn Đức Cường	Nam	09/02/1991	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
100	L1-101	Nguyễn Thái Cường	Nam	02/07/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
101	L1-102	Đỗ Mạnh Cường	Nam	09/08/1978	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
102	L1-103	Nguyễn Hồng Cường	Nam	31/10/1984	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
103	L1-104	Trần Quang Cường	Nam	03/03/1997	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
104	L1-105	Nguyễn Quang Cường	Nam	03/11/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
105	L1-106	Trần Văn Cường	Nam	17/08/1983	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
106	L1-107	Nguyễn Thiện Cường	Nam	25/07/1983	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
107	L1-108	Nguyễn Văn Cường	Nam	14/01/1984	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
108	L1-109	Nguyễn Kiên Cường	Nam	01/09/1987	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
109	L1-110	Nguyễn Hữu Đại	Nam	21/08/1979	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
110	L1-111	Lương Công Đại	Nam	24/07/1994	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
111	L1-112	Hoàng Văn Đàm	Nam	15/07/1982	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
112	L1-113	Dương Thị Mai Dân	Nữ	20/06/1995	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
113	L1-114	Ngô Văn Dân	Nam	17/03/1981	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
114	L1-115	Đặng Thị Dần	Nữ	09/01/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
115	L1-116	Bùi Thị Đào	Nữ	02/09/1984	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
116	L1-117	Tống Thị Đào	Nữ	20/01/1987	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
117	L1-118	Nguyễn Thị Ánh Đào	Nữ	16/01/1982	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
118	L1-119	Đỗ Công Đạt	Nam	03/03/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
119	L1-120	Nguyễn Văn Đạt	Nam	08/01/1993	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
120	L1-121	Phạm Văn Đạt	Nam	14/05/1998	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
121	L1-122	Lê Tiến Đạt	Nam	11/12/1994	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
122	L1-123	Đỗ Thị Thu Diễm	Nữ	03/06/1983	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
123	L1-124	Nguyễn Văn Điền	Nam	20/02/1988	91,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
124	L1-125	Vũ Văn Diệp	Nam	21/11/1986	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
125	L1-126	Nguyễn Anh Diệp	Nam	01/01/1972	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
126	L1-127	Nguyễn Danh Diệp	Nam	05/11/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
127	L1-128	Trần Ngọc Diệp	Nam	22/01/1998	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
128	L1-129	Trần Thị Diệp	Nữ	17/04/1991	96,50	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
129	L1-130	Đoàn Danh Diệp	Nam	29/10/1978	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
130	L1-131	Trần Văn Dinh	Nam	30/05/1991	96,50	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
131	L1-132	Nguyễn Đường Định	Nam	14/12/1982	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
132	L1-133	Cù Thị Hương Dịu	Nữ	27/04/1983	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
133	L1-134	Trần Thị Dịu	Nữ	30/08/1997	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
134	L1-135	Nguyễn Thị Huyền Dịu	Nữ	22/07/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
135	L1-136	Vi Văn Đô	Nam	22/07/1997	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
136	L1-137	Phan Văn Đoài	Nam	15/07/1980	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
137	L1-138	Chu Văn Đoàn	Nam	14/07/1979	82,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
138	L1-139	Nguyễn Văn Đoàn	Nam	20/07/1994	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
139	L1-140	Phạm Văn Đoàn	Nam	16/01/1980	81,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
140	L1-141	Kiều Thanh Doanh	Nam	24/01/1992	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
141	L1-142	Nguyễn Hữu Doanh	Nam	30/03/1984	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
142	L1-143	Nguyễn Đình Doanh	Nam	09/10/1981	77,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
143	L1-144	Nguyễn Văn Đông	Nam	07/12/1986	82,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
144	L1-145	Nguyễn Quốc Đông	Nam	16/11/1979	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
145	L1-146	Triệu Quốc Đông	Nam	15/11/1996	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
146	L1-147	Điêu Thị Đông	Nữ	21/11/1982	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
147	L1-148	Bùi Thái Du	Nam	06/04/1994	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
148	L1-149	Nguyễn Thế Đức	Nam	25/05/1984	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
149	L1-150	Bùi Hữu Đức	Nam	29/05/1993	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
150	L1-151	Tổng Hữu Đức	Nam	29/06/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
151	L1-152	Nguyễn Văn Đức	Nam	02/06/1985	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
152	L1-153	Nguyễn Minh Đức	Nam	01/02/1999	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
153	L1-154	Hoàng Văn Đức	Nam	06/06/1988	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
154	L1-155	Phan Duy Đức	Nam	05/09/2004	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
155	L1-156	Vương Kiều Đức	Nam	06/10/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
156	L1-157	Dương Minh Đức	Nam	15/09/1998	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
157	L1-158	Lê Vĩnh Đức	Nam	07/01/1980	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
158	L1-159	Nghiêm Mạnh Đức	Nam	02/08/2007	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
159	L1-160	Dương Thị Dung	Nữ	10/04/1990	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
160	L1-161	Nguyễn Thị Dung	Nữ	16/06/1982	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
161	L1-162	Đoàn Kim Dung	Nữ	02/11/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
162	L1-163	Lê Thị Dung	Nữ	23/01/1986	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
163	L1-164	Vũ Thị Dung	Nữ	18/02/1999	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
164	L1-165	Vũ Thị Kim Dung	Nữ	14/12/1986	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
165	L1-166	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	14/02/1983	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
166	L1-167	Nguyễn Thị Dung	Nữ	19/10/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
167	L1-168	Bùi Thị Dung	Nữ	09/09/2003	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
168	L1-169	Vũ Thị Dung	Nữ	12/09/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
169	L1-170	Trần Thị Kim Dung	Nữ	19/01/1984	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
170	L1-171	Hồ Thị Dung	Nữ	13/07/1968	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
171	L1-172	Hoàng Thị Xuân Dung	Nữ	16/07/1990	82,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
172	L1-173	Đỗ Thuý Dung	Nữ	06/07/1999	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
173	L1-174	Vũ Tiến Dũng	Nam	12/10/1987	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
174	L1-175	Nguyễn Mạnh Dũng	Nam	27/10/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
175	L1-176	Hoàng Văn Dũng	Nam	03/10/1979	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
176	L1-177	Phạm Văn Dũng	Nam	22/06/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
177	L1-178	Mai Anh Dũng	Nam	11/10/2005	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
178	L1-179	Khúc Văn Dũng	Nam	21/07/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
179	L1-180	Hoàng Quốc Dũng	Nam	28/03/1981	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
180	L1-181	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	29/07/1983	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
181	L1-182	Nguyễn Đình Dũng	Nam	19/09/1978	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
182	L1-183	Phạm Văn Dũng	Nam	12/09/1990	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
183	L1-184	Đỗ Văn Dũng	Nam	25/08/1992	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
184	L1-185	Nguyễn Trùng Dương	Nam	15/04/1981	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
185	L1-186	Nguyễn Thị Dương	Nữ	16/08/1995		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
186	L1-187	Đào Thị Thuý Dương	Nữ	10/02/1991	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
187	L1-188	Kiều Minh Dương	Nam	02/02/1997	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
188	L1-189	Trần Thị Anh Dương	Nữ	29/09/1997	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
189	L1-190	Lê Minh Dương	Nam	20/07/2002		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
190	L1-191	Hoàng Xuân Dưỡng	Nam	14/06/1989	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
191	L1-192	Đình Văn Dưỡng	Nam	27/01/1995	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
192	L1-193	Vũ Thị Dưỡng	Nữ	21/01/1988	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
193	L1-194	Nguyễn Thế Duy	Nam	16/12/1993	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
194	L1-195	Trần Đức Duy	Nam	02/09/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
195	L1-196	Đình Linh Duy	Nam	07/09/1985	85,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
196	L1-197	Nguyễn Mạnh Duy	Nam	30/08/1994	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
197	L1-198	Nguyễn Văn Duy	Nam	04/07/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
198	L1-199	Nguyễn Mạnh Duy	Nam	15/08/1989	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
199	L1-200	Đào Thị Duyên	Nữ	03/09/1995	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
200	L1-201	Vũ Thị Duyên	Nữ	10/07/1986	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
201	L1-202	Tào Thị Duyên	Nữ	25/10/1982	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
202	L1-203	Đoàn Thị Duyên	Nữ	11/04/1982	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
203	L1-204	Vũ Thị Duyên	Nữ	28/03/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
204	L1-205	Mai Mai Duyên	Nữ	12/08/1992	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
205	L1-206	Ngô Thị Bích Duyên	Nữ	21/11/1990	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
206	L1-207	Vũ Thị Duyên	Nữ	19/05/1980	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
207	L1-208	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	04/10/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
208	L1-209	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	28/09/1993	88,75	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
209	L1-210	Nguyễn Việt Duyên	Nam	17/05/1982	92,50	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
210	L1-211	Nguyễn Thị Duyn	Nữ	10/05/1982	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
211	L1-212	Phạm Thị Gấm	Nữ	10/12/1981	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
212	L1-213	Đình Bình Giang	Nam	06/07/1990	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
213	L1-214	Đoàn Hà Giang	Nữ	18/10/1990	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
214	L1-215	Nguyễn Trọng Giang	Nam	10/04/1995	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
215	L1-216	Nguyễn Trường Giang	Nam	08/04/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
216	L1-217	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	24/10/1981	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
217	L1-218	Tạ Thị Giang	Nữ	28/08/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
218	L1-219	Nguyễn Văn Giáp	Nam	01/10/1984	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
219	L1-220	Nguyễn Thị Hà	Nữ	11/08/1981	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
220	L1-221	Hoàng Thị Hà	Nữ	25/07/1986	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
221	L1-222	Nguyễn Đình Hà	Nam	16/10/1991	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
222	L1-223	Lại Ngọc Hà	Nam	06/04/1990	98,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
223	L1-224	Phạm Thị Hà	Nữ	02/05/1986	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
224	L1-225	Đình Thị Thúy Hà	Nữ	22/03/1985	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
225	L1-226	Nguyễn Thị Hà	Nữ	07/12/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
226	L1-227	Nguyễn Thị Hà	Nữ	19/12/1984	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
227	L1-228	Đào Thị Hà	Nữ	12/05/1987	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
228	L1-229	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ	09/11/2007	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
229	L1-230	Phương Thanh Hà	Nữ	22/11/1972	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
230	L1-231	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	22/08/1983	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
231	L1-232	Nguyễn Thị Hà	Nữ	24/08/1985	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
232	L1-233	Đặng Văn Hà	Nam	15/04/1998	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
233	L1-234	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	07/11/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
234	L1-235	Hoàng Thị Ngọc Hà	Nữ	09/04/1996	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
235	L1-236	Lương Thanh Hà	Nữ	26/02/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
236	L1-237	Nguyễn Huy Hà	Nam	04/08/1991	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
237	L1-238	Đình Văn Hà	Nam	03/01/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
238	L1-239	Ngô Thị Hà	Nữ	08/04/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
239	L1-240	Nguyễn Thị Hải	Nữ	20/05/1972	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
240	L1-241	Trần Thị Thanh Hải	Nữ	30/08/1985	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
241	L1-242	Đồng Thị Minh Hải	Nữ	23/07/1982	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
242	L1-243	Nguyễn Sơn Hải	Nam	28/08/1988	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
243	L1-244	Tạ Đức An Hải	Nam	10/02/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
244	L1-245	Nguyễn Đức Hải	Nam	18/12/1978		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
245	L1-246	Trần Văn Hải	Nam	15/09/1989	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
246	L1-247	Phạm Thanh Hải	Nam	20/07/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
247	L1-248	Vũ Văn Hải	Nam	18/08/2004	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
248	L1-249	Nguyễn Thế Hải	Nam	23/06/1987	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
249	L1-250	Nguyễn Đắc Hải	Nam	14/03/1999	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
250	L1-251	Lê Xuân Hải	Nam	14/08/1981	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
251	L1-252	Nguyễn Việt Hải	Nam	27/08/1973	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
252	L1-253	Phan Thanh Hải	Nam	30/07/1965	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
253	L1-254	Nguyễn Văn Hân	Nam	12/06/1971	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
254	L1-255	Lê Công Hân	Nam	20/11/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
255	L1-256	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	09/03/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
256	L1-257	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/05/1978	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
257	L1-258	Hoàng Thị Hằng	Nữ	10/08/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
258	L1-259	Đoàn Thị Hằng	Nữ	10/05/1983	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
259	L1-260	Đỗ Thanh Hằng	Nữ	13/10/2001	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
260	L1-261	Vũ Thanh Hằng	Nữ	02/04/1989	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
261	L1-262	Nguyễn Thúy Hằng	Nữ	28/11/1983		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
262	L1-263	Đoàn Thị Thu Hằng	Nữ	25/05/1992	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
263	L1-264	Lê Thị Hạnh	Nữ	13/08/1986	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
264	L1-265	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	12/09/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
265	L1-266	Lê Thị Hạnh	Nữ	20/01/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
266	L1-267	Nguyễn Văn Hạnh	Nam	26/05/1993	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
267	L1-268	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	08/12/1977	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
268	L1-269	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Nữ	02/09/1980	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
269	L1-270	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	01/02/2004	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
270	L1-271	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	01/06/1991	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
271	L1-272	Nguyễn Văn Hạnh	Nam	27/08/1974	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
272	L1-273	Nguyễn Đức Hạnh	Nam	12/08/1981	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
273	L1-274	Phạm Thị Hạnh	Nữ	16/08/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
274	L1-275	Lê Công Hào	Nam	09/09/1989	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
275	L1-276	Trần Hoàng Hào	Nam	30/06/1983	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
276	L1-277	Phạm Thị Khánh Hào	Nữ	05/01/1982	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
277	L1-278	Vũ Thị Hào	Nữ	07/06/1996	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
278	L1-279	Nguyễn Thị Bích Hào	Nữ	07/05/1991	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
279	L1-280	Nguyễn Thị Hát	Nữ	22/10/1983		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
280	L1-281	Vũ Đức Hậu	Nam	30/10/1988	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
281	L1-282	Nguyễn Văn Hậu	Nam	11/08/1991	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
282	L1-283	Dương Bích Hậu	Nữ	25/08/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
283	L1-284	Bùi Văn Hậu	Nam	20/10/1990	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
284	L1-285	Đào Thị Mai Hiền	Nữ	19/01/1993	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
285	L1-286	Trần Thị Hiền	Nữ	19/06/1991	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
286	L1-287	Phạm Khắc Hiền	Nam	29/11/1990	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
287	L1-288	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	21/09/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
288	L1-289	Hoàng Thị Hiền	Nữ	05/06/1986	71,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
289	L1-290	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	25/12/1992	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
290	L1-291	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	23/04/1991	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
291	L1-292	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	22/01/1978	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
292	L1-293	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	17/04/1982	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
293	L1-294	Thân Thị Hiền	Nữ	16/02/1999	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
294	L1-295	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	23/02/1995	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
295	L1-296	Phạm Thanh Hiền	Nữ	09/05/1964		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
296	L1-297	Hoàng Thị Hiền	Nữ	03/09/1981	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
297	L1-298	Nguyễn Xuân Hiền	Nam	22/08/1984	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
298	L1-299	Phạm Gia Hiền	Nam	04/06/1972	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
299	L1-300	Đỗ Hoàng Hiệp	Nam	16/02/1985	75,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
300	L1-301	Hoàng Việt Hiếu	Nam	09/01/1986	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
301	L1-302	Bùi Quang Hiếu	Nam	26/05/1998	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
302	L1-303	Hoàng Trung Hiếu	Nam	10/11/2000	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
303	L1-304	Đặng Đình Hiếu	Nam	25/02/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
304	L1-305	Nguyễn Hữu Hiếu	Nam	15/04/2002	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
305	L1-306	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	26/02/2004	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
306	L1-307	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	31/08/1985	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
307	L1-308	Lê Văn Hiếu	Nam	08/03/1997	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
308	L1-309	Dương Văn Hình	Nam	08/08/1987	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
309	L1-310	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	29/10/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
310	L1-311	Nguyễn Thị Như Hoa	Nữ	16/05/1996	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
311	L1-312	Trần Thị Út Hoa	Nữ	28/11/1972	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
312	L1-313	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	28/10/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
313	L1-314	Bùi Thị Phượng Hoa	Nữ	11/03/1993	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
314	L1-315	Phạm Văn Hoà	Nam	18/10/1991	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
315	L1-316	Đặng Thị Hoà	Nữ	28/06/1978	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
316	L1-317	Đỗ Thị Lộc Hoà	Nữ	25/05/1991	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
317	L1-318	Nguyễn Xuân Hoà	Nam	19/11/1986	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
318	L1-319	Đình Xuân Hòa	Nam	24/03/1989	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
319	L1-320	Lê Văn Hòa	Nam	13/12/1985	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
320	L1-321	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	28/04/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
321	L1-322	Dương Khánh Hòa	Nữ	04/06/1989	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
322	L1-323	Trương Khánh Hòa	Nữ	09/10/1995	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
323	L1-324	Phí Ngọc Hòa	Nam	25/12/1986	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
324	L1-325	Nguyễn Đức Hoài	Nam	24/08/1984	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
325	L1-326	Nguyễn Văn Hoài	Nam	01/03/1990	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
326	L1-327	Trần Thị Bích Hoài	Nữ	08/12/1987	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
327	L1-328	Phan Huy Hoán	Nam	23/10/1986	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
328	L1-329	Giáp Ngọc Hoàn	Nam	17/06/1994		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
329	L1-330	Phạm Thị Hoàn	Nữ	29/01/1987	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
330	L1-331	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	01/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
331	L1-332	Vũ Đức Hoàng	Nam	19/11/1995	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
332	L1-333	Bùi Đức Hoàng	Nam	23/09/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
333	L1-334	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	14/09/1998	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
334	L1-335	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	29/07/1998	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
335	L1-336	Nguyễn Minh Hoàng	Nam	03/11/1988	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
336	L1-337	Đỗ Văn Hoàng	Nam	21/09/1985	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
337	L1-338	Kiều Huy Hoat	Nam	01/01/1984	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
338	L1-339	Nguyễn Thị Hồi	Nữ	29/12/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
339	L1-340	Phạm Quý Hợi	Nam	21/12/1983	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
340	L1-341	Nguyễn Thị Hợi	Nữ	18/11/1995	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
341	L1-342	Đặng Thị Hồng	Nữ	20/12/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
342	L1-343	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	20/08/1984	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
343	L1-344	Đinh Thị Hồng	Nữ	20/06/1971	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
344	L1-345	Phạm Thị Hồng	Nữ	22/12/1992	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
345	L1-346	Phạm Thị Diệp Hồng	Nữ	10/08/1984	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
346	L1-347	Hoàng Thị Thu Hồng	Nữ	16/09/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
347	L1-348	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	30/12/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
348	L1-349	Trần Thị Hồng	Nữ	15/07/1998	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
349	L1-350	Phạm Thị Huệ	Nữ	22/11/1991	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
350	L1-351	Lê Thị Huệ	Nữ	11/12/1991	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
351	L1-352	Phạm Thị Huệ	Nữ	09/10/1995	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
352	L1-353	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/09/1987	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
353	L1-354	Đinh Thị Huệ	Nữ	27/02/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
354	L1-355	Phan Thị Huệ	Nữ	02/09/1989	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
355	L1-356	Đặng Thị Huệ	Nữ	28/01/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
356	L1-357	Lương Thị Huệ	Nữ	19/05/1984	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
357	L1-358	Vũ Thị Kim Huệ	Nữ	12/06/1984	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
358	L1-359	Tạ Thị Huệ	Nữ	10/02/1988	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
359	L1-360	Đào Thị Huệ	Nữ	02/01/1991	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
360	L1-361	Hoàng Thị Huệ	Nữ	19/06/1980	81,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
361	L1-362	Ngô Xuân Hùng	Nam	31/07/1988	70,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
362	L1-363	Nguyễn Văn Hùng	Nam	15/07/1998	80,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
363	L1-364	Vũ Mạnh Hùng	Nam	01/10/1980	86,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
364	L1-365	Phan Văn Hùng	Nam	18/07/1996	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
365	L1-366	Nguyễn Thanh Hùng	Nam	03/08/1995	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
366	L1-367	Phạm Việt Hùng	Nam	08/11/1979	81,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
367	L1-368	Nguyễn Văn Hùng	Nam	28/11/1998	65,00	Không đạt	78,75	Đạt	Không đạt	
368	L1-369	Trần Mạnh Hùng	Nam	30/11/1989	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
369	L1-370	Nguyễn Danh Hùng	Nam	02/04/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
370	L1-371	Nguyễn Văn Hưng	Nam	06/07/1992	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
371	L1-372	Đào Việt Hưng	Nam	29/03/1995	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
372	L1-373	Bùi Văn Hưng	Nam	15/11/1987	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
373	L1-374	Nguyễn Thành Hưng	Nam	18/09/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
374	L1-375	Nguyễn Quang Hưng	Nam	01/10/1986	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
375	L1-376	Trương Mạnh Hưng	Nam	15/12/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
376	L1-377	Đỗ Việt Hưng	Nam	28/12/1989	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
377	L1-378	Nguyễn Văn Hưng	Nam	03/10/1996	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
378	L1-379	Đoàn Thị Hưng	Nữ	12/06/1995	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
379	L1-380	Nguyễn Văn Hưng	Nam	30/05/1999	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
380	L1-381	Lê Thị Hương	Nữ	15/02/1981	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
381	L1-382	Nguyễn Thị Hương	Nữ	16/09/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
382	L1-383	Bùi Thị Hải Hương	Nữ	18/06/1983	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
383	L1-384	Nguyễn Thị Hương	Nữ	01/07/1983	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
384	L1-385	Dương Thị Hương	Nữ	24/04/1977	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
385	L1-386	Trịnh Thị Hương	Nữ	07/05/1989	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
386	L1-387	Đàm Thị Hương	Nữ	08/04/1980	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
387	L1-388	Phạm Thị Thanh Hương	Nữ	03/05/1971	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
388	L1-389	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	12/10/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
389	L1-390	Trần Thị Hương	Nữ	01/01/1978	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
390	L1-391	Nguyễn Thị Hương	Nữ	25/02/1986	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
391	L1-392	Hà Thị Thu Hương	Nữ	20/11/1985	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
392	L1-393	Trần Thị Hương	Nữ	01/05/1981	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
393	L1-394	Đỗ Thanh Hương	Nữ	24/10/1998	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
394	L1-395	Nguyễn Thị Hương	Nữ	08/09/1985	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
395	L1-396	Đỗ Thị Hương	Nữ	18/10/1969	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
396	L1-397	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	16/11/1988	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
397	L1-398	Dương Thị Thu Hương	Nữ	12/01/1971	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
398	L1-399	Phạm Thị Hương	Nữ	28/07/1989	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
399	L1-400	Đỗ Kim Hương	Nữ	15/08/1992	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
400	L1-401	Nguyễn Thị Hương	Nữ	02/08/1985	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
401	L1-402	Nguyễn Thị Hường	Nữ	14/02/1978	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
402	L1-403	Nguyễn Thị Sơn Hường	Nữ	20/08/1983	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
403	L1-404	Trần Thị Hường	Nữ	25/06/1995	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
404	L1-405	Phạm Thị Hường	Nữ	15/06/1986	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
405	L1-406	Trần Thị Hường	Nữ	24/04/1979	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
406	L1-407	Nguyễn Thị Hường	Nữ	24/07/1993	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
407	L1-408	Thiều Thị Hường	Nữ	20/09/1993	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
408	L1-409	Lê Thị Thu Hường	Nữ	02/07/1988	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
409	L1-410	Tô Thị Thu Hường	Nữ	26/10/1994	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
410	L1-411	Tống Thị Thu Hường	Nữ	16/06/1998	86,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
411	L1-412	Trần Thị Thu Hường	Nữ	06/04/1984	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
412	L1-413	Phan Thị Hường	Nữ	21/12/1995	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
413	L1-414	Nguyễn Đình Hữu	Nam	10/11/1977	81,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
414	L1-415	Lê Quang Huy	Nam	19/08/1983	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
415	L1-416	Trần Thanh Huy	Nam	17/12/1995	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
416	L1-417	Dương Đức Huy	Nam	24/07/1983	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
417	L1-418	Lã Văn Huy	Nam	26/07/1998	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
418	L1-419	Nguyễn Hoàng Lâm Huy	Nam	06/11/2005	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
419	L1-420	Trần Văn Huy	Nam	22/07/1988	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
420	L1-421	Lê Thị Huyền	Nữ	02/11/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
421	L1-422	Nguyễn Văn Huyền	Nam	04/10/1981	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
422	L1-423	Tổng Thị Huyền	Nữ	19/09/2001	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
423	L1-424	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	19/05/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
424	L1-425	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	25/12/1990	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
425	L1-426	Hoàng Thị Thu Huyền	Nữ	07/01/1990	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
426	L1-427	Đặng Thị Huyền	Nữ	04/08/1993	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
427	L1-428	Hà Thị Thu Huyền	Nữ	16/08/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
428	L1-429	Đinh Thị Huyền	Nữ	19/09/1991	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
429	L1-430	Nguyễn Thị Bích Huyền	Nữ	05/09/1989	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
430	L1-431	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	21/09/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
431	L1-432	Trịnh Khánh Huyền	Nữ	04/12/1998	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
432	L1-433	Lê Thị Minh Huyền	Nữ	16/12/1979	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
433	L1-434	Hoàng Thị Huyền	Nữ	28/06/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
434	L1-435	Trần Đình Huynh	Nam	30/06/1993	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
435	L1-436	Trần Thế Huynh	Nam	14/08/1980	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
436	L1-437	Nguyễn Thị Kề	Nữ	21/05/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
437	L1-438	Nguyễn Văn Khả	Nam	22/08/1985	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
438	L1-439	Nguyễn Tài Khải	Nam	20/11/1998	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
439	L1-440	Nguyễn Văn Khang	Nam	08/10/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
440	L1-441	Bùi Ngọc Khang	Nam	26/10/1983	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
441	L1-442	Vũ Thanh Minh Khang	Nam	04/09/1987	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
442	L1-443	Ngô Lê Khanh	Nữ	13/11/1972	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
443	L1-444	Vũ Văn Khanh	Nam	05/03/1988	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
444	L1-445	Phạm Gia Khánh	Nam	30/12/1996	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
445	L1-446	Lê Thị Kim Khánh	Nữ	02/09/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
446	L1-447	Bùi Hoàng Khẫu	Nam	22/02/1984	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
447	L1-448	Đinh Khắc Khoa	Nam	10/02/1983		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
448	L1-449	Vi Hải Khoa	Nam	30/08/1992	86,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
449	L1-450	Nguyễn Văn Khoan	Nam	18/03/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
450	L1-451	Dương Văn Khoát	Nam	21/03/1984	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
451	L1-452	Tạ Hữu Khởi	Nam	17/07/1996	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
452	L1-453	Nguyễn Văn Khởi	Nam	20/04/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
453	L1-454	Phan Thục Khuê	Nữ	21/01/2004	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
454	L1-455	Lê Thị Khuyến	Nữ	29/09/1987	86,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
455	L1-456	Vũ Đức Kiêm	Nam	13/07/1989	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
456	L1-457	Vũ Xuân Kiêm	Nam	10/11/1970	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
457	L1-458	Đông Xuân Kiên	Nam	25/03/1984	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
458	L1-459	Nguyễn Trung Kiên	Nam	24/09/2002	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
459	L1-460	Đặng Văn Kiên	Nam	13/03/1996	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
460	L1-461	Lê Trung Kiên	Nam	08/11/1987	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
461	L1-462	Nguyễn Trung Kiên	Nam	02/07/1987	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
462	L1-463	Trần Văn Kiệt	Nam	11/11/2004	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
463	L1-464	Nguyễn Đăng Kiều	Nam	26/10/1978	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
464	L1-465	Phạm Văn Ky	Nam	22/03/1988	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
465	L1-466	Nguyễn Hữu Lâm	Nam	01/08/1995	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
466	L1-467	Nguyễn Duy Lâm	Nam	09/02/1992	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
467	L1-468	Nguyễn Thị Lan	Nữ	19/02/1983	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
468	L1-469	Trương Thị Ngọc Lan	Nữ	03/11/1979	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
469	L1-470	Phạm Ngọc Lan	Nữ	04/12/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
470	L1-471	Trần Thu Lan	Nữ	24/11/1985	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
471	L1-472	Phạm Thị Lan	Nữ	23/08/1990	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
472	L1-473	Tạ Thị Lan	Nữ	17/11/1990	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
473	L1-474	Nguyễn Thị Lân	Nữ	02/07/1982	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
474	L1-475	Bùi Đức Lân	Nam	14/08/1986	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
475	L1-476	Nguyễn Thị Lăng	Nữ	02/11/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
476	L1-477	Nông Thị Lê	Nữ	17/11/1999	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
477	L1-478	Vũ Thị Lệ	Nữ	27/09/1984	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
478	L1-479	Trần Thanh Lệ	Nữ	10/07/1977	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
479	L1-480	Phạm Thị Bích Lệ	Nữ	20/12/1983	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
480	L1-481	Nông Văn Liêm	Nam	28/01/1985	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
481	L1-482	Trần Xuân Liên	Nam	19/06/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
482	L1-483	Nguyễn Thị Liên	Nữ	07/04/1981	78,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
483	L1-484	Mạc Thị Liên	Nữ	08/02/1982	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
484	L1-485	Đỗ Bá Liên	Nam	26/08/1975	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
485	L1-486	Vũ Thị Kim Liên	Nữ	01/08/1984	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
486	L1-487	Vũ Thị Liên	Nữ	14/10/1984	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
487	L1-488	Trần Thị Liên	Nữ	21/06/1989	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
488	L1-489	Đào Thị Liên	Nữ	01/09/1988	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
489	L1-490	Đặng Thị Liên	Nữ	12/02/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
490	L1-491	Vũ Mai Liên	Nữ	17/03/1984		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
491	L1-492	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	09/01/1983	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
492	L1-493	Phạm Thị Liễu	Nữ	09/08/1981	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
493	L1-494	Vũ Văn Liệu	Nam	12/02/1991	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
494	L1-495	Lê Thị Liệu	Nữ	20/02/1992	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
495	L1-496	Nguyễn Đức Linh	Nam	07/05/1990	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
496	L1-497	Phan Thuý Linh	Nữ	23/09/1983	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
497	L1-498	Đỗ Văn Linh	Nam	20/09/1992	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
498	L1-499	Mai Thị Thương Linh	Nữ	10/10/1997	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
499	L1-500	Ngô Thùy Linh	Nữ	17/08/1994	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
500	L1-501	Nghiêm Thị Hải Linh	Nữ	06/07/1994	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
501	L1-502	Hà Ngọc Linh	Nữ	22/04/2000	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
502	L1-503	Nguyễn Thị Hoài Linh	Nữ	07/06/1999	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
503	L1-504	Vũ Quyền Linh	Nam	21/08/1999	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
504	L1-505	Trịnh Thị Thùy Linh	Nữ	08/11/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
505	L1-506	Phạm Thị Phương Linh	Nữ	19/01/1992	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
506	L1-507	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	08/03/1993	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
507	L1-508	Nguyễn Hồng Loan	Nữ	30/01/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
508	L1-509	Chu Thị Loan	Nữ	30/04/1989	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
509	L1-510	Nguyễn Thị Loan	Nữ	25/01/1990	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
510	L1-511	Cần Thị Loan	Nữ	26/12/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
511	L1-512	Nguyễn Thị Loan	Nữ	13/06/1988	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
512	L1-513	Văn Tiến Lợi	Nam	29/04/1984	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
513	L1-514	Nguyễn Bảo Long	Nam	17/07/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
514	L1-515	Vũ Việt Long	Nam	11/08/1982	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
515	L1-516	Nguyễn Hải Long	Nam	19/04/1998	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
516	L1-517	Nguyễn Chí Long	Nam	25/09/1996		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
517	L1-518	Hoàng Văn Long	Nam	20/10/1985	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
518	L1-519	Từ Hoàng Long	Nam	04/05/1987	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
519	L1-520	Phùng Thị Lua	Nữ	14/03/1988	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
520	L1-521	Lương Đắc Luân	Nam	09/10/1986	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
521	L1-522	Lê Thành Luân	Nam	28/07/1994	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
522	L1-523	Nguyễn Thành Luân	Nam	26/06/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
523	L1-524	Quách Chí Lực	Nam	05/10/1983	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
524	L1-525	Vũ Văn Lương	Nam	20/09/1982	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
525	L1-526	Đặng Thị Lương	Nữ	08/02/1991	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
526	L1-527	Nguyễn Huy Lưu	Nam	07/09/1980	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
527	L1-528	Đặng Thị Lưu	Nữ	18/02/1989	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
528	L1-529	Đỗ Thị Luyến	Nữ	06/11/1992	93,73	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
529	L1-530	Phạm Thị Luyến	Nữ	09/08/1987	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
530	L1-531	Đào Thị Luyến	Nữ	25/05/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
531	L1-532	Ngô Văn Luyến	Nam	23/10/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
532	L1-533	Vũ Khánh Ly	Nữ	07/10/1994	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
533	L1-534	Bùi Thị Kim Ly	Nữ	11/07/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
534	L1-535	Vũ Thị Ly	Nữ	15/12/1980	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
535	L1-536	Lương Thị Lý	Nữ	03/06/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
536	L1-537	Nguyễn Thị Mai	Nữ	14/10/1993	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
537	L1-538	Lê Thị Xuân Mai	Nữ	21/12/1996		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
538	L1-539	Hà Thị Mai	Nữ	12/04/1982	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
539	L1-540	Ôn Thị Mai	Nữ	04/05/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
540	L1-541	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	31/08/1992	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
541	L1-542	Vũ Thanh Mai	Nữ	27/02/1991	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
542	L1-543	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	01/06/1991	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
543	L1-544	Nguyễn Thị Mai	Nữ	05/11/1991	95,00	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
544	L1-545	Đàm Thị Tuyết Mai	Nữ	14/06/1989	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
545	L1-546	Nguyễn Thị Mai	Nữ	10/06/1990	96,25	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	
546	L1-547	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	15/05/1992	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
547	L1-548	Bùi Văn Mạnh	Nam	20/04/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
548	L1-549	Vũ Đình Mạnh	Nam	29/05/1973	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
549	L1-550	Đỗ Văn Mạnh	Nam	25/10/1980	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
550	L1-551	Đỗ Thị Mạnh	Nữ	22/02/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
551	L1-552	Tạ Văn Mạnh	Nam	05/07/1981	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
552	L1-553	Nguyễn Trung Mạnh	Nam	05/12/1984	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
553	L1-554	Vũ Tiến Mạnh	Nam	23/09/1998	95,00	Đạt	97,25	Đạt	Đạt	
554	L1-555	Nguyễn Văn Mạnh	Nam	16/08/1988	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
555	L1-556	Nguyễn Đức Mạnh	Nam	21/07/1994	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
556	L1-557	Nguyễn Thị Hà Mi	Nữ	19/06/1990	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
557	L1-558	Trần Thế Minh	Nam	20/02/1997	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
558	L1-559	Hà Quang Minh	Nam	13/03/2002	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
559	L1-560	Nguyễn Quang Minh	Nam	25/06/2003	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
560	L1-561	Nguyễn Văn Minh	Nam	26/01/1977	93,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
561	L1-562	Trần Anh Minh	Nam	28/08/1985	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
562	L1-563	Tạ Thị Mơ	Nữ	20/10/1987	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
563	L1-564	Mai Văn Mừng	Nam	13/10/1984	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
564	L1-565	Nguyễn Văn Mừng	Nam	02/08/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
565	L1-566	Vũ Giác My	Nữ	14/02/1982	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
566	L1-567	Phạm Văn Nam	Nam	22/07/1993	98,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
567	L1-568	Nguyễn Ngọc Nam	Nam	17/02/1994	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
568	L1-569	Phạm Văn Nam	Nam	27/09/1986	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
569	L1-570	Vũ Thành Nam	Nam	06/11/1982	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
570	L1-571	Vũ Hữu Nam	Nam	05/11/2000	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
571	L1-572	Nguyễn Văn Nam	Nam	15/02/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
572	L1-573	Nguyễn Đức Nam	Nam	13/06/1994	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
573	L1-574	Trần Quốc Phương Nam	Nam	12/09/2002	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
574	L1-575	Lại Thị Năm	Nữ	23/05/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
575	L1-576	Lê Thị Thanh Nga	Nữ	08/06/1977	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
576	L1-577	Phạm Thị Nga	Nữ	04/07/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
577	L1-578	Đoàn Thị Nga	Nữ	25/11/1997	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
578	L1-579	Trần Thúy Nga	Nữ	25/12/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
579	L1-580	Nguyễn Thị Nga	Nữ	22/12/1982	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
580	L1-581	Phan Thị Nga	Nữ	20/04/1991	95,00	Đạt	95,50	Đạt	Đạt	
581	L1-582	Ngô Thị Thúy Nga	Nữ	21/09/1995	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
582	L1-583	Trần Thị Nga	Nữ	25/10/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
583	L1-584	Lê Thị Nga	Nữ	17/08/1995	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
584	L1-585	Ngô Thúy Nga	Nữ	05/10/1985	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
585	L1-586	Phan Thị Quỳnh Nga	Nữ	20/09/1968	83,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
586	L1-587	Trần Thị Nga	Nữ	22/10/1990	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
587	L1-588	Lương Thị Ngân	Nữ	06/04/1984	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
588	L1-589	Cao Thị Ngân	Nữ	23/10/1986	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
589	L1-590	Khuất Thị Ngân	Nữ	20/10/1984	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
590	L1-591	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	05/04/1985	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
591	L1-592	Bùi Thị Nghi	Nữ	22/06/1981	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
592	L1-593	Vũ Tiến Nghĩa	Nam	26/06/1983	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
593	L1-594	Lê Minh Nghĩa	Nam	18/11/2002	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
594	L1-595	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	03/10/1991	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
595	L1-596	Phạm Trí Nghĩa	Nam	24/01/2002	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
596	L1-597	Lê Bình Ngọc	Nam	08/08/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
597	L1-598	Trương Thị Yến Ngọc	Nữ	03/09/2006	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
598	L1-599	Tạ Hồng Ngọc	Nữ	07/12/1993	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
599	L1-600	Trần Hoàng Ngọc	Nam	30/08/1994	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
600	L1-601	Đỗ Văn Ngọc	Nam	09/06/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
601	L1-602	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	05/05/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
602	L1-603	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	29/07/1987	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
603	L1-604	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	08/06/1988	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
604	L1-605	Nguyễn Thị Hoa Ngọc	Nữ	19/05/2002	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
605	L1-606	Vũ Thị Bích Ngọc	Nữ	22/08/1982	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
606	L1-607	Đinh Thị Hạnh Nguyễn	Nữ	11/09/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
607	L1-608	Nguyễn Cao Nguyên	Nam	05/04/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
608	L1-609	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	20/10/1970	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
609	L1-610	Đỗ Thị Nguyên	Nữ	27/10/1993	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
610	L1-611	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	20/11/1998	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
611	L1-612	Trịnh Thị Nguyệt	Nữ	25/09/1982	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
612	L1-613	Trần Thị Nguyệt	Nữ	21/11/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
613	L1-614	Trần Thị Nguyệt	Nữ	06/10/2003	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
614	L1-615	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	29/08/1990	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
615	L1-616	Phạm Thị Nhài	Nữ	01/08/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
616	L1-617	Phạm Thị Nhài	Nữ	25/12/1973	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
617	L1-618	Trịnh Thị Thanh Nhàn	Nữ	17/02/1980	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
618	L1-619	Lê Thị Nhàn	Nữ	12/10/1995	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
619	L1-620	Lê Thị Nhàn	Nữ	21/01/1982	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
620	L1-621	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	20/05/1983	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
621	L1-622	Nguyễn Hoài Nhân	Nam	05/04/1993	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
622	L1-623	Nguyễn Văn Nhất	Nam	13/06/1987	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
623	L1-624	Trương Văn Nhất	Nam	15/07/1989	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
624	L1-625	Lê Trần Khánh Nhi	Nữ	09/11/2003	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
625	L1-626	Nguyễn Yến Nhi	Nữ	10/02/2004		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
626	L1-627	Nguyễn Quỳnh Như	Nữ	10/11/2002	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
627	L1-628	Nguyễn Thị Nhuận	Nữ	04/09/1986	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
628	L1-629	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	16/11/1992	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
629	L1-630	Nguy Thị Hồng Nhung	Nữ	07/02/1982	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
630	L1-631	Nguyễn Thúy Nhung	Nữ	08/11/1984	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
631	L1-632	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	26/04/1984	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
632	L1-633	Trịnh Hồng Nhung	Nữ	13/10/2001	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
633	L1-634	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	13/07/1989	92,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
634	L1-635	Tạ Thị Nhung	Nữ	29/05/1991	96,25	Đạt	96,75	Đạt	Đạt	
635	L1-636	Vũ Phương Nhung	Nữ	05/10/1975	83,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
636	L1-637	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	07/08/1996	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
637	L1-638	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	17/07/2003	90,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
638	L1-639	Lê Nông Hồng Nhung	Nữ	14/08/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
639	L1-640	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	06/12/1981	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
640	L1-641	Nguyễn Thanh Nhung	Nữ	21/04/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
641	L1-642	Hoàng Thị Ninh	Nữ	26/01/1988	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
642	L1-643	Nguyễn Thị Ninh	Nữ	06/01/1986	97,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
643	L1-644	Ngô Thị Ninh	Nữ	05/08/1983	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
644	L1-645	Trần Vũ Ninh	Nam	30/03/1986	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
645	L1-646	Phạm Mỹ Nữ	Nữ	09/08/1988	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
646	L1-647	Ngô Ngọc Ny	Nam	22/04/1983	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
647	L1-648	Hoàng Kiều Oanh	Nữ	05/03/1993	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
648	L1-649	Phạm Văn Oanh	Nam	22/11/1978	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
649	L1-650	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	20/10/1985	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
650	L1-651	Cao Thị Oanh	Nữ	08/03/1980	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
651	L1-652	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	26/01/2001	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
652	L1-653	Nông Kim Oanh	Nữ	21/08/2000	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
653	L1-654	Hà Thị Kim Oanh	Nữ	01/01/1993	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
654	L1-655	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	21/03/1971	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
655	L1-656	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	07/11/1984	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
656	L1-657	Tổng Ngọc Phi	Nam	27/09/1969	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
657	L1-658	Trương Hữu Phiên	Nam	24/11/1985	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
658	L1-659	Vũ Duy Phong	Nam	06/01/1981	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
659	L1-660	Hoàng Thị Phong	Nữ	05/12/1987	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
660	L1-661	Nguyễn Thị Phong	Nữ	06/03/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
661	L1-662	Vũ Mạnh Phú	Nam	12/11/1988	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
662	L1-663	Ngô Hồng Phú	Nam	23/10/1987	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
663	L1-664	Nguyễn Văn Phúc	Nam	21/01/1986	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
664	L1-665	Vũ Danh Phúc	Nam	28/10/1982	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
665	L1-666	Vũ Trí Phúc	Nam	01/02/1996	92,00	Đạt	97,75	Đạt	Đạt	
666	L1-667	Ngô Hữu Phúc	Nam	05/06/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
667	L1-668	Đặng Ngọc Phúc	Nam	16/09/1995	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
668	L1-669	Phạm Thị Phương	Nữ	27/12/1990	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
669	L1-670	Nguyễn Đức Phương	Nam	07/05/1992	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
670	L1-671	Bùi Thị Phương	Nữ	24/03/1984	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
671	L1-672	Vũ Thị Phương	Nữ	01/08/1997	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
672	L1-673	Nguyễn Văn Phương	Nam	08/06/1983	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
673	L1-674	Đình Văn Phương	Nam	02/07/1987	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
674	L1-675	Bùi Thị Hoàng Phương	Nữ	26/05/1987	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
675	L1-676	Ngô Thị Quỳnh Phương	Nữ	22/03/1976	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
676	L1-677	Phan Thị Minh Phương	Nữ	26/11/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
677	L1-678	Ma Thị Lan Phương	Nữ	24/01/1996	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
678	L1-679	Nguyễn Diệu Phương	Nữ	03/03/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
679	L1-680	Lương Cẩm Phương	Nữ	03/11/1989		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
680	L1-681	Lê Đức Phương	Nam	06/09/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
681	L1-682	Tạ Thị Thu Phương	Nữ	13/11/2000	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
682	L1-683	Đỗ Mai Phương	Nữ	11/09/1994	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
683	L1-684	Lưu Thị Dậu Phương	Nữ	28/06/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
684	L1-685	Nguyễn Thị Phương	Nữ	02/08/1987	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
685	L1-686	Vũ Văn Phương	Nam	14/06/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
686	L1-687	Nguyễn Thị Phương	Nữ	03/02/1999	96,25	Đạt	100,00	Đạt	Đạt	
687	L1-688	Đỗ Thị Kim Phương	Nữ	31/08/1985	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
688	L1-689	Vũ Thị Phương	Nữ	02/05/1992	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
689	L1-690	Đặng Thị Phương	Nữ	30/03/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
690	L1-691	Ngô Thị Phương	Nữ	04/06/1995	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
691	L1-692	Nguyễn Thị Phương	Nữ	30/11/1989	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
692	L1-693	Nguyễn Thanh Phương	Nữ	06/08/1986	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
693	L1-694	Vũ Thị Kim Phương	Nữ	28/03/1978	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
694	L1-695	Bùi Thị Minh Phương	Nữ	01/12/1987	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
695	L1-696	Nguyễn Văn Quân	Nam	06/08/1985	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
696	L1-697	Nguyễn Quang Quân	Nam	02/08/1989	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
697	L1-698	Đào Văn Quân	Nam	04/11/1992	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
698	L1-699	Bùi Hồng Quân	Nam	08/04/1994	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
699	L1-700	Đỗ Văn Quân	Nam	16/07/1979	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
700	L1-701	Hoàng Minh Quang	Nam	12/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
701	L1-702	Đào Ngọc Quang	Nam	08/05/1986	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
702	L1-703	Kiều Xuân Quang	Nam	25/09/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
703	L1-704	Vũ Văn Quang	Nam	02/10/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
704	L1-705	Hoàng Bá Quang	Nam	04/11/1994	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
705	L1-706	Kiều Vũ Quang	Nam	16/05/1987	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
706	L1-707	Nguyễn Thế Quang	Nam	11/11/1992	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
707	L1-708	Vũ Văn Quảng	Nam	06/12/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
708	L1-709	Nguyễn Văn Quảng	Nam	21/04/1988	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
709	L1-710	Nguyễn Thị Quế	Nữ	05/05/1974	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
710	L1-711	Nguyễn Thị Quy	Nữ	23/02/1988	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
711	L1-712	Nguyễn Thị Quy	Nữ	20/05/1976		Không đạt		Không đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
712	L1-713	Bùi Ngọc Quý	Nam	26/07/1982	97,50	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
713	L1-714	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	26/06/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
714	L1-715	Trần Thị Tô Quyên	Nữ	26/11/1981	91,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
715	L1-716	Nguyễn Thị Quyên	Nữ	25/02/1984	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
716	L1-717	Trần Thị Quyển	Nữ	01/03/1990	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
717	L1-718	Đỗ Văn Quyền	Nam	23/01/1986	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
718	L1-719	Nguyễn Anh Quyền	Nam	29/04/2000	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
719	L1-720	Ngô Văn Quyền	Nam	03/02/1988	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
720	L1-721	Lê Thành Quyết	Nam	19/03/1983	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
721	L1-722	Vũ Thị Quỳnh	Nữ	25/09/1992	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
722	L1-723	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	21/08/1988	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
723	L1-724	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nữ	12/07/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
724	L1-725	Chu Đức Quỳnh	Nam	04/05/1988	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
725	L1-726	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Nữ	28/08/1992	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
726	L1-727	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	17/11/1983	100,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
727	L1-728	Đỗ Xuân Quỳnh	Nữ	14/06/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
728	L1-729	Nguyễn Thuý Quỳnh	Nữ	02/05/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
729	L1-730	Trần Thúy Quỳnh	Nữ	15/10/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
730	L1-731	Đặng Thị Quỳnh	Nữ	13/03/1989	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
731	L1-732	Vũ Đức Sang	Nam	11/08/1997	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
732	L1-733	Lê Ngọc Sáng	Nam	01/03/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
733	L1-734	Trần Thị Sáng	Nữ	02/03/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
734	L1-735	Nguyễn Việt Sáng	Nam	18/10/1985	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
735	L1-736	Nguyễn Tiến Sĩ	Nam	22/12/1983	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
736	L1-737	Lê Công Sơn	Nam	19/06/1992	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
737	L1-738	Đình Ngọc Sơn	Nam	15/08/1991	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
738	L1-739	Trần Anh Sơn	Nam	08/09/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
739	L1-740	Hoàng Văn Sơn	Nam	20/07/1996	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
740	L1-741	Nguyễn Thị Sơn	Nữ	13/11/1988	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
741	L1-742	Phạm Văn Sơn	Nam	05/07/1987	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
742	L1-743	Hoàng Văn Sơn	Nam	14/08/1996	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
743	L1-744	Đoàn Đình Sơn	Nam	07/08/1993	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
744	L1-745	Cần Minh Sơn	Nam	23/06/1994	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
745	L1-746	Nguyễn Như Hùng Sơn	Nam	28/11/1996	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
746	L1-747	Trương Trọng Sơn	Nam	25/03/2000	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
747	L1-748	Bùi Thị Suốt	Nữ	11/07/1987	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
748	L1-749	Bùi Công Thế Tài	Nam	26/10/1990	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
749	L1-750	Nguyễn Thanh Tài	Nam	19/08/1979	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
750	L1-751	Nguyễn Đức Tài	Nam	02/12/1997	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
751	L1-752	Trần Văn Tài	Nam	29/04/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
752	L1-753	Trương Thị Tâm	Nữ	12/09/1991	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
753	L1-754	Nguyễn Chí Tâm	Nam	25/12/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
754	L1-755	Trần Mạnh Tâm	Nam	11/03/1987	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
755	L1-756	Lê Thị Tâm	Nữ	28/01/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
756	L1-757	Lê Văn Tâm	Nam	02/11/1998	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
757	L1-758	Dương Thị Tâm	Nữ	30/07/1992	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
758	L1-759	Nguyễn Thành Tâm	Nam	04/03/1985	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
759	L1-760	Cao Cự Tâm	Nam	12/12/1977	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
760	L1-761	Lê Thị Tâm	Nữ	02/04/1996	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
761	L1-762	Phạm Đức Tâm	Nam	22/08/1986	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
762	L1-763	Trần Xuân Tâm	Nam	28/12/1990	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
763	L1-764	Trần Thị Tâm	Nữ	11/07/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
764	L1-765	Lê Ngọc Tân	Nam	19/04/1974	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
765	L1-766	Nguyễn Anh Tấn	Nam	20/09/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
766	L1-767	Lưu Văn Tăng	Nam	15/05/1980	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
767	L1-768	Nông Minh Táy	Nam	21/08/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
768	L1-769	Đình Huy Thái	Nam	20/03/2003	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
769	L1-770	Vũ Trần Thái	Nam	12/01/1983	90,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
770	L1-771	Nguyễn Minh Thái	Nam	28/02/1985	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
771	L1-772	Phạm Huy Thái	Nam	30/08/1974	83,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
772	L1-773	Hà Văn Thái	Nam	22/08/1985		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
773	L1-774	Từ Minh Thái	Nam	07/05/1998	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
774	L1-775	Vũ Thị Thắm	Nữ	20/05/1988	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
775	L1-776	Lê Thị Hồng Thắm	Nữ	25/12/1982	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
776	L1-777	Tạ Thị Thắm	Nữ	04/01/1986	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
777	L1-778	Lê Minh Thắng	Nam	23/01/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
778	L1-779	Lê Văn Thắng	Nam	18/05/1975	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
779	L1-780	Quách Toàn Thắng	Nam	29/01/1997	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
780	L1-781	Đặng Minh Thắng	Nam	16/11/1987	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
781	L1-782	Vũ Hồng Thắng	Nam	19/06/1981	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
782	L1-783	Lê Văn Thắng	Nam	10/01/1987	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
783	L1-784	Đỗ Văn Thắng	Nam	03/03/1989	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
784	L1-785	Chữ Văn Thắng	Nam	14/02/1969	88,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
785	L1-786	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	11/07/1979	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
786	L1-787	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10/05/1988	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
787	L1-788	Lê Văn Thanh	Nam	17/02/1988	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
788	L1-789	Kim Văn Thanh	Nam	30/03/1989	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
789	L1-790	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	16/11/1983	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
790	L1-791	Trương Mai Thanh	Nữ	01/08/1989	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
791	L1-792	Trần Phương Thanh	Nữ	09/10/1987	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
792	L1-793	Bùi Đăng Thanh	Nam	08/10/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
793	L1-794	Nguyễn Thị Yến Thanh	Nữ	16/09/1996	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
794	L1-795	Đỗ Thị Thanh	Nữ	30/01/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
795	L1-796	Cao Thị Thanh	Nữ	15/05/1970	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
796	L1-797	Tạ Thị Thanh	Nữ	12/07/1990	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
797	L1-798	Nguyễn Trọng Thanh	Nam	03/03/1987	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
798	L1-799	Nguyễn Trung Thành	Nam	12/07/1982	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
799	L1-800	Phùng Văn Thành	Nam	20/10/1983	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
800	L1-801	Đoàn Văn Thành	Nam	27/02/1992	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
801	L1-802	Trần Văn Thành	Nam	03/03/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
802	L1-803	Hoàng Thị Thành	Nữ	23/07/1985	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
803	L1-804	Đình Thanh Thạnh	Nam	13/09/1984	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
804	L1-805	Nguyễn Văn Thạnh	Nam	15/02/1980	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
805	L1-806	Nguyễn Văn Thao	Nam	13/01/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
806	L1-807	Nguyễn Lâm Thao	Nam	02/03/1990	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
807	L1-808	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	25/05/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
808	L1-809	Lương Thị Thảo	Nữ	09/08/1992	93,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
809	L1-810	Lê Thị Thu Thảo	Nữ	20/07/1995	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
810	L1-811	Mai Thị Phương Thảo	Nữ	10/02/2002	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
811	L1-812	Phương Thảo	Nữ	18/12/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
812	L1-813	Phạm Thị Thảo	Nữ	23/07/1989	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
813	L1-814	Phùng Thị Phương Thảo	Nữ	09/03/1984	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
814	L1-815	Bùi Thị Hạnh Thảo	Nữ	19/09/1988	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
815	L1-816	Nguyễn Thị Hương Thảo	Nữ	01/07/1990	100,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
816	L1-817	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	30/11/1981	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
817	L1-818	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	16/07/2000	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
818	L1-819	Đình Thị Bích Thảo	Nữ	17/10/1972	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
819	L1-820	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	27/09/1994	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
820	L1-821	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	02/10/2002	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
821	L1-822	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/01/1993	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
822	L1-823	Đoàn Đức Thọ	Nam	10/08/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
823	L1-824	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	06/10/1984	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
824	L1-825	Tạ Thị Thêm	Nữ	21/07/1987	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
825	L1-826	Nguyễn Thị Thêm	Nữ	25/05/1986	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
826	L1-827	Hà Văn Thi	Nam	27/08/1997	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
827	L1-828	Phan Xót Thiện	Nam	07/03/1994	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
828	L1-829	Lê Quý Thiệp	Nam	08/03/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
829	L1-830	Phạm Thị Thiệp	Nữ	06/02/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
830	L1-831	Phùng Văn Thiệp	Nam	21/07/1999	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
831	L1-832	Nguyễn Văn Thiết	Nam	10/09/1995	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
832	L1-833	Hoàng Thiết	Nam	02/06/1980	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
833	L1-834	Đoàn Thị Thơ	Nữ	05/10/1987	88,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
834	L1-835	Đình Khắc Thọ	Nam	27/08/1987	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
835	L1-836	Nguyễn Như Thọ	Nam	15/06/1988	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
836	L1-837	Đặng Thị Thoa	Nữ	28/01/1977	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
837	L1-838	Nguyễn Văn Thoại	Nam	22/07/1984	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
838	L1-839	Nguyễn Thanh Thom	Nữ	13/12/1991	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
839	L1-840	Lê Tiến Thông	Nam	21/11/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
840	L1-841	Phạm Xuân Thông	Nam	17/07/1971	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
841	L1-842	Nguyễn Minh Thu	Nữ	01/05/1988	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
842	L1-843	Dương Hoài Thu	Nữ	17/06/1989	96,25	Đạt	91,35	Đạt	Đạt	
843	L1-844	Mai Minh Thu	Nữ	17/10/1984	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
844	L1-845	Đình Thị Thừa	Nữ	12/06/1988	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
845	L1-846	Nguyễn Trịnh Thuần	Nam	16/04/1990	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
846	L1-847	Đông Xuân Thuận	Nam	26/11/1997	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
847	L1-848	Ngô Đắc Thức	Nam	05/03/1985	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
848	L1-849	Đàm Xuân Thương	Nam	15/03/1989	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
849	L1-850	Hà Thị Thương	Nữ	05/12/1989	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
850	L1-851	Trịnh Đức Thương	Nam	12/12/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
851	L1-852	Lê Thị Thương	Nữ	10/05/1984	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
852	L1-853	Nguyễn Văn Thường	Nam	05/11/1984	70,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
853	L1-854	Tô Thanh Thuý	Nữ	27/08/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
854	L1-855	Đào Thị Thuý	Nữ	10/05/1993	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
855	L1-856	Ngô Phương Thuý	Nữ	06/06/1988	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
856	L1-857	Hoàng Thị Bích Thuý	Nữ	21/08/1996	86,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
857	L1-858	Đặng Văn Thuý	Nam	12/07/1986	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
858	L1-859	Nguyễn Thu Thuý	Nữ	25/04/1997	86,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
859	L1-860	Lê Thị Thu Thuý	Nữ	10/08/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
860	L1-861	Hoàng Thị Lệ Thuý	Nữ	29/04/1977	86,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
861	L1-862	Ngô Thị Thúy	Nữ	25/08/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
862	L1-863	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	30/11/1987	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
863	L1-864	Mai Thị Thu Thúy	Nữ	03/02/1983	76,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
864	L1-865	Trần Thị Thúy	Nữ	20/07/1984	82,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
865	L1-866	Trần Thị Phương Thúy	Nữ	23/04/1995	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
866	L1-867	Nguyễn Thanh Thúy	Nữ	11/08/2003	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
867	L1-868	Nguyễn Ngọc Thúy	Nữ	13/07/1987	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
868	L1-869	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Nữ	02/07/1982	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
869	L1-870	Hoàng Thị Thúy	Nữ	05/07/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
870	L1-871	Ngô Xuân Thùy	Nam	11/11/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
871	L1-872	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	23/03/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
872	L1-873	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	13/03/1985	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
873	L1-874	Trương Phương Thủy	Nữ	11/05/1982	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
874	L1-875	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	09/09/1982	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
875	L1-876	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	14/10/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
876	L1-877	Ngô Thị Thủy	Nữ	01/02/1987	97,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
877	L1-878	Phạm Văn Thuyết	Nam	30/07/1986	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
878	L1-879	Phạm Văn Tiến	Nam	22/12/1977	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
879	L1-880	Nguyễn Văn Tiến	Nam	23/01/1986	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
880	L1-881	Vũ Văn Tiến	Nam	29/09/1963	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
881	L1-882	Đàm Viết Tiến	Nam	09/12/1983	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
882	L1-883	Lê Thị Tiến	Nữ	06/09/1986	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
883	L1-884	Bùi Minh Tiến	Nam	31/05/2005		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
884	L1-885	Nguyễn Văn Tiếp	Nam	08/12/1995	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
885	L1-886	Bùi Duy Tiếp	Nam	22/09/1994	92,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
886	L1-887	Nguyễn Thị Tinh	Nữ	30/07/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
887	L1-888	Phạm Văn Tinh	Nam	15/04/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
888	L1-889	Trương Đăng Tinh	Nam	15/02/1991	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
889	L1-890	Cù Huy Tịnh	Nam	27/08/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
890	L1-891	Đỗ Văn Toán	Nam	02/11/1994	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
891	L1-892	Hoàng Văn Toán	Nam	27/12/1991	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
892	L1-893	Kiều Văn Toàn	Nam	04/10/1995	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
893	L1-894	Nguyễn Trọng Toàn	Nam	11/08/1999	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
894	L1-895	Hạ Văn Toàn	Nam	09/09/1989	88,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
895	L1-896	Trần Đình Toàn	Nam	01/01/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
896	L1-897	Trần Duy Toàn	Nam	24/02/1980	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
897	L1-898	Trịnh Công Toán	Nam	19/08/1996	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
898	L1-899	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	26/05/1989	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
899	L1-900	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	28/11/1986	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
900	L1-901	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	14/02/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
901	L1-902	Nguyễn Thị Trang	Nữ	20/08/1992	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
902	L1-903	Lương Thị Trang	Nữ	26/01/1991	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
903	L1-904	Hoàng Thị Trang	Nữ	06/09/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
904	L1-905	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	20/04/1984	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
905	L1-906	Đỗ Thị Trang	Nữ	22/02/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
906	L1-907	Vũ Thị Trang	Nữ	20/01/1993	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
907	L1-908	Ninh Thị Huyền Trang	Nữ	18/11/2002	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
908	L1-909	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	30/01/1998	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
909	L1-910	Trương Thị Trang	Nữ	29/07/1982	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
910	L1-911	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	28/12/1986	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
911	L1-912	Nguyễn Thị Trang	Nữ	05/05/1991	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
912	L1-913	Ngô Đình Trang	Nam	02/05/1991	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
913	L1-914	Nguyễn Mai Trang	Nữ	04/01/1993	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
914	L1-915	Hoàng Thu Trang	Nữ	15/05/2004	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
915	L1-916	Đinh Thị Thủy Trang	Nữ	02/03/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
916	L1-917	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	19/09/1987	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
917	L1-918	Trần Thị Thu Trang	Nữ	25/05/2001	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
918	L1-919	Trần Mai Trang	Nữ	06/07/1986	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
919	L1-920	Lê Trọng Tráng	Nam	26/07/1986	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
920	L1-921	Đỗ Công Triển	Nam	03/12/1991	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
921	L1-922	Ngô Bình Triệu	Nam	08/02/1985	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
922	L1-923	Nguyễn Văn Trinh	Nam	04/10/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
923	L1-924	Trần Xuân Trọng	Nam	01/07/1978	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
924	L1-925	Nguyễn Văn Trọng	Nam	20/11/1982	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
925	L1-926	Nguyễn Quang Trung	Nam	13/08/1999	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
926	L1-927	Nguyễn Quang Trung	Nam	22/01/1992	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
927	L1-928	Nguyễn Đức Trung	Nam	25/10/1995	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
928	L1-929	Vũ Quốc Trung	Nam	31/08/1991	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
929	L1-930	Nghiêm Tuấn Trung	Nam	10/03/1989	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
930	L1-931	Nguyễn Văn Trường	Nam	02/07/1989	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
931	L1-932	Đàm Viết Trường	Nam	11/05/1992	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
932	L1-933	Nguyễn Quang Trường	Nam	28/11/1990	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
933	L1-934	Nguyễn Mạnh Trường	Nam	28/08/1990	88,75	Đạt	96,26	Đạt	Đạt	
934	L1-935	Nguyễn Xuân Trường	Nam	24/10/1991	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
935	L1-936	Nguyễn Xuân Trường	Nam	09/07/1979	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
936	L1-937	Nguyễn Khắc Trường	Nam	10/07/2001	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
937	L1-938	Trần Văn Trường	Nam	29/09/1990	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
938	L1-939	Hoàng Anh Tú	Nam	17/10/1986	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
939	L1-940	Nguyễn Văn Tú	Nam	01/07/1994	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
940	L1-941	Trần Anh Tú	Nam	08/11/1994	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
941	L1-942	Đình Đồng Tú	Nam	29/12/1985	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
942	L1-943	Trần Ngọc Tú	Nam	24/09/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
943	L1-944	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	05/05/1988	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
944	L1-945	Nguyễn Tuấn Tú	Nam	18/10/2007	95,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
945	L1-946	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	20/01/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
946	L1-947	Nguyễn Trung Tuấn	Nam	20/06/1980	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
947	L1-948	Phạm Thanh Tuấn	Nam	12/01/1993	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
948	L1-949	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	01/07/1983	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
949	L1-950	Kiều Đăng Tuấn	Nam	27/03/1991	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
950	L1-951	Trần Quang Tuấn	Nam	23/12/2002	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
951	L1-952	Phạm Văn Tuấn	Nam	26/08/1983	85,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
952	L1-953	Lê Trọng Tuấn	Nam	19/09/1986		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
953	L1-954	Hoàng Anh Tuấn	Nam	08/10/2002	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
954	L1-955	Phạm Văn Tuấn	Nam	11/06/1988	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
955	L1-956	Lê Minh Tuấn	Nam	11/01/1997	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
956	L1-957	Dương Mạnh Tuấn	Nam	28/08/1996	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
957	L1-958	Nguyễn Công Tuấn	Nam	19/07/1983	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
958	L1-959	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	09/02/1976	92,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
959	L1-960	Thạch Minh Tuấn	Nam	08/06/1999	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
960	L1-961	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	24/06/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
961	L1-962	Trần Ngọc Tuấn	Nam	08/04/1992	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
962	L1-963	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	27/07/1990	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
963	L1-964	Dương Văn Tuấn	Nam	09/01/1998	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
964	L1-965	Bùi Văn Tuấn	Nam	23/03/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
965	L1-966	Trần Thế Tùng	Nam	31/01/1994	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
966	L1-967	Đỗ Tiến Tùng	Nam	13/11/1983	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
967	L1-968	Bùi Văn Tùng	Nam	08/12/1993	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
968	L1-969	Trần Thanh Tùng	Nam	20/04/1998	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
969	L1-970	Đỗ Sơn Tùng	Nam	21/08/1983	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
970	L1-971	Nguyễn Đồng Tùng Tùng	Nam	02/11/1989	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
971	L1-972	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	29/10/1979	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
972	L1-973	Lò Thị Tươi	Nữ	24/01/1999	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
973	L1-974	Hoàng Bá Tường	Nam	18/02/1998	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
974	L1-975	Lê Văn Túych	Nam	16/03/1986	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
975	L1-976	Đàm Thị Tuyên	Nữ	06/05/1983	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
976	L1-977	Chu Công Tuyên	Nam	27/09/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
977	L1-978	Trần Tuyên	Nam	07/07/1991	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
978	L1-979	Nguyễn Văn Tuyên	Nam	30/11/1983	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
979	L1-980	Nguyễn Xuân Tuyên	Nam	26/03/1975	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
980	L1-981	Nguyễn Thị Kim Tuyên	Nữ	15/06/1988	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
981	L1-982	Lê Quang Tuyên	Nam	25/08/1988	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
982	L1-983	Nguyễn Minh Tuyên	Nam	12/05/1991	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
983	L1-984	Lã Minh Tuyên	Nam	22/02/1988	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
984	L1-985	Lê Thị Tuyên	Nữ	26/04/2000	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
985	L1-986	Phạm Xuân Tuyên	Nam	26/03/1994	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
986	L1-987	Vũ Thị Tuyên	Nữ	29/08/1982	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
987	L1-988	Nguyễn Quang Tuyên	Nam	01/10/1979	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
988	L1-989	Nguyễn Xuân Tuyên	Nam	26/12/1981	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
989	L1-990	Vũ Thị Tuyết	Nữ	29/11/1988	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
990	L1-991	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	08/12/1988	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
991	L1-992	Tạ Thị Tuyết	Nữ	14/06/1994	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
992	L1-993	Lương Thị Tuyết	Nữ	22/08/1988	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
993	L1-994	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	02/10/1976	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
994	L1-995	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	12/01/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
995	L1-996	Nguyễn Văn Tuyn	Nam	22/12/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
996	L1-997	Vũ Thị Uyên	Nữ	18/07/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
997	L1-998	Vũ Thuý Uyên	Nữ	24/06/1997	91,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
998	L1-999	Phạm Thế Uyển	Nam	04/01/1996	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
999	L1-1000	Đinh Thị Vân	Nữ	03/01/1995	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1000	L1-1001	Phan Thị Hồng Vân	Nữ	25/06/1998	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1001	L1-1002	Nguyễn Thị Vân	Nữ	05/09/1987	95,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1002	L1-1003	Nguyễn Thị Vân	Nữ	08/12/1991	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1003	L1-1004	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	14/02/1990		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1004	L1-1005	Dương Thị Hoài Vân	Nữ	06/09/1988	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1005	L1-1006	Đặng Thị Vân	Nữ	18/03/1983	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1006	L1-1007	Nguyễn Khánh Vân	Nữ	02/01/1973	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1007	L1-1008	Phạm Thúy Vân	Nữ	26/02/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1008	L1-1009	Phạm Thị Cẩm Vân	Nữ	19/09/1993	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1009	L1-1010	Nguyễn Thị Vân	Nữ	12/04/1972	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1010	L1-1011	Nguyễn Văn Vận	Nam	03/12/1982	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1011	L1-1012	Phạm Thị Uyên Vi	Nữ	25/05/2002	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1012	L1-1013	Khuất Thị Viên	Nữ	31/01/1986	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1013	L1-1014	Lê Văn Viễn	Nam	08/03/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1014	L1-1015	Hoàng Quốc Việt	Nam	07/12/1992	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1015	L1-1016	Nguyễn Việt	Nam	24/09/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1016	L1-1017	Vương Khánh Việt	Nam	18/04/1989	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1017	L1-1018	Nguyễn Tiến Việt	Nam	13/08/2005	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1018	L1-1019	Nguyễn Văn Việt	Nam	08/07/2001	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1019	L1-1020	Đàm Văn Việt	Nam	10/04/1984	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1020	L1-1021	Hoàng Văn Vinh	Nam	14/05/1992	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1021	L1-1022	Nguyễn Quang Vinh	Nam	26/07/1982	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1022	L1-1023	Ngô Tuấn Vinh	Nam	29/11/1990	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1023	L1-1024	Đào Mạnh Vinh	Nam	10/07/1983	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1024	L1-1025	Trần Văn Vinh	Nam	27/06/1993	98,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1025	L1-1026	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	03/03/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1026	L1-1027	Trần Tuấn Vũ	Nam	23/02/1994	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1027	L1-1028	Trần Tuấn Vũ	Nam	06/07/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1028	L1-1029	Ninh Việt Vũ	Nam	01/02/2003	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1029	L1-1030	Đào Thị Vui	Nữ	30/03/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1030	L1-1031	Nguyễn Văn Vững	Nam	24/07/1978	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1031	L1-1032	Nguyễn Duy Vương	Nam	24/04/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1032	L1-1033	Dương Quang Vương	Nam	14/11/1986	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1033	L1-1034	Đào Mạnh Vương	Nam	17/06/2000	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1034	L1-1035	Nguyễn Thị Xiêm	Nữ	08/02/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1035	L1-1036	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	20/03/1992	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1036	L1-1037	Đàm Thị Xuân	Nữ	12/01/1985	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1037	L1-1038	Nguyễn Tiến Xuân	Nam	04/12/1987	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1038	L1-1039	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	10/06/1986	95,00	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1039	L1-1040	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	03/09/1982	81,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1040	L1-1041	Trần Văn Xuyên	Nam	21/01/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1041	L1-1042	Mai Thị Xuyên	Nữ	02/02/1979	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1042	L1-1043	Lê Thị Yên	Nữ	03/06/1991	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1043	L1-1044	Vũ Thị Hải Yên	Nữ	23/04/1983	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1044	L1-1045	Phạm Hồng Yên	Nữ	19/09/1994	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1045	L1-1046	Hoàng Hải Yên	Nữ	05/05/2001	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1046	L1-1047	Nguyễn Thị Hải Yên	Nữ	11/08/1984	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1047	L1-1048	Trần Hải Yên	Nữ	29/01/1984	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1048	L1-1049	Vi Thị Hải Yến	Nữ	20/05/1990	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1049	L1-1050	Đào Thị Yến	Nữ	29/03/1992		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1050	L1-1051	Đặng Thị Yến	Nữ	15/05/1977	97,50	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1051	L1-1052	Hà Thị Bạch Yến	Nữ	06/03/1986	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1052	L1-1053	Nguyễn Thị Yến	Nữ	09/10/1996	96,25	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1053	L1-1054	Lý Thị Yến	Nữ	18/10/1982	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1054	L1-1055	Dương Thị Yến	Nữ	15/02/1972	87,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1055	L1-1056	Bế Tùng Anh	Nam	05/10/2004	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1056	L1-1057	Đình Ngọc Đông	Nam	30/10/1987	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1057	L1-1058	Hoàng Thị Huyền	Nữ	18/10/1993	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1058	L1-1059	Hà Thu Hường	Nữ	27/07/1990	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1059	L1-1060	Hà Thị Mai	Nữ	29/10/1986	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1060	L1-1061	Nguyễn Thị Nga	Nữ	18/11/1986	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1061	L1-1062	Đàm Văn Nguyên	Nam	21/12/1984	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1062	L1-1063	Dương Hồng Nhung	Nữ	27/03/1991	98,75	Đạt	98,75	Đạt	Đạt	
1063	L1-1064	Lê Xuân Vũ Tuấn	Nam	28/08/1990	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1064	L1-1065	Đình Công Am	Nam	04/12/1980	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1065	L1-1066	Nguyễn Thu An	Nữ	06/04/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1066	L1-1067	Nguyễn Thiện Ân	Nam	21/09/1976	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1067	L1-1068	Nguyễn Thị Ân	Nữ	21/05/1989	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1068	L1-1069	Nguyễn Nhật Anh	Nữ	19/12/1992	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1069	L1-1070	Đàm Trọng Hoàng Anh	Nam	25/01/2006		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1070	L1-1071	Lê Hoàng Anh	Nam	15/03/2002	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1071	L1-1072	Phạm Văn Anh	Nữ	09/12/1989	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1072	L1-1073	Phạm Thùy Anh	Nữ	08/04/1994	93,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1073	L1-1074	Đỗ Đăng Anh	Nam	29/07/1993	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1074	L1-1075	Nguyễn Duy Hoàng Anh	Nam	08/12/1992	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1075	L1-1076	Phạm Duy Anh	Nam	20/10/2007	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1076	L1-1077	Lê Thị Thục Anh	Nữ	29/04/1980	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1077	L1-1078	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	10/02/1978	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1078	L1-1079	Dư Đức Anh	Nam	03/08/1992	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1079	L1-1080	Trần Đức Anh	Nam	02/02/1994	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1080	L1-1081	Hà Quỳnh Anh	Nữ	24/04/1988	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1081	L1-1082	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	07/05/1996	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1082	L1-1083	Lê Thị Kim Anh	Nữ	27/09/1990	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1083	L1-1084	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	08/09/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1084	L1-1085	Nguyễn Hữu Việt Anh	Nam	19/06/1996	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1085	L1-1086	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	07/05/2000	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1086	L1-1087	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	18/08/1988	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1087	L1-1088	Nguyễn Vân Anh	Nữ	12/06/1991	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1088	L1-1089	Phạm Thị Thùy Anh	Nữ	02/12/1989	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1089	L1-1090	Hồ Mai Anh	Nam	13/02/1974	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1090	L1-1091	Nguyễn Thị Kiều Anh	Nữ	11/10/1981	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1091	L1-1092	Đỗ Thị Vân Anh	nữ\	15/05/1986	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1092	L1-1093	Nguyễn Thị Diệp Anh	Nữ	09/03/1993		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1093	L1-1094	Vũ Thị Anh	Nữ	06/08/1988	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1094	L1-1095	Phạm Tuấn Anh	Nam	22/12/1995	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1095	L1-1096	Hoàng Ngọc Anh	Nữ	02/10/1993	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1096	L1-1097	Phạm Thị Vân Anh	Nữ	27/11/1986	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1097	L1-1098	Trần Thị Kim Anh	Nữ	09/08/1978	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1098	L1-1099	Vũ Công Việt Anh	Nam	20/10/1996	98,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1099	L1-1100	Trần Thị Anh	Nữ	20/05/1993	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1100	L1-1101	Hán Tạ Hà Anh	Nữ	14/07/1987	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1101	L1-1102	Nguyễn Đức Anh	Nam	04/06/1994	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1102	L1-1103	Vũ Đức Anh	Nam	22/05/1995	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1103	L1-1104	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Nữ	05/10/1999		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1104	L1-1105	Đặng Trọng Ba	Nam	15/08/1986	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1105	L1-1106	Đoàn Bắc	Nam	11/09/1975	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1106	L1-1107	Vũ Việt Bắc	Nam	25/06/1999	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1107	L1-1108	Bùi Xuân Bắc	Nam	11/08/1984	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1108	L1-1109	Nguyễn Văn Bách	Nam	16/07/1984	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1109	L1-1110	Lưu Thị Ngọc Bích	Nữ	03/05/1982	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1110	L1-1111	Thân Thị Biên	Nữ	08/11/1988	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1111	L1-1112	Bùi Huy Bình	Nam	06/09/1989	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1112	L1-1113	Hoàng Thị Hòa Bình	Nữ	18/06/1973	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1113	L1-1114	Lê Xuân Bình	Nam	07/08/1987	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1114	L1-1115	Nguyễn Thanh Bình	Nữ	01/05/1990	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1115	L1-1116	Nguyễn Xuân Bộ	Nam	18/10/1991	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1116	L1-1117	Cồ Thị Bưởi	Nữ	08/05/1981	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1117	L1-1118	Lưu Văn Cẩn	Nam	08/12/1985	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1118	L1-1119	Phạm Thị Chang	Nữ	11/08/1994	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1119	L1-1120	Phan Chánh	Nam	27/04/2000	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1120	L1-1121	Vũ Linh Chi	Nữ	24/10/1996	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1121	L1-1122	Tạ Thị Chi	Nữ	05/05/1989	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1122	L1-1123	Nguyễn Đình Phương Chi	Nữ	20/07/2003	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1123	L1-1124	Phạm Xuân Chiến	Nam	13/03/2000	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1124	L1-1125	Nguyễn Chí Chiến	Nam	12/10/1978	73,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1125	L1-1126	Chu Văn Chiến	Nam	18/10/1984	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1126	L1-1127	Đỗ Thị Kiều Chinh	Nữ	15/06/2000	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1127	L1-1128	Trần Thụy Thuý Chinh	Nữ	29/04/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1128	L1-1129	Phan Văn Chính	Nam	14/01/1998	76,25	Đạt	77,25	Đạt	Đạt	
1129	L1-1130	Vũ Thành Chung	Nam	18/03/2000	87,50	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1130	L1-1131	Phạm Thị Chung	Nữ	02/10/1983	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1131	L1-1132	Nguyễn Thị Chuyên	Nữ	13/02/1985	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1132	L1-1133	Nguyễn Chử Công	Nam	08/01/1979	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1133	L1-1134	Lê Thành Công	Nam	10/08/1990	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1134	L1-1135	Trần Chí Công	Nam	22/12/1996	83,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1135	L1-1136	Nguyễn Thành Công	Nam	02/05/1984	78,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1136	L1-1137	Trịnh Đức Biên Cường	Nam	05/04/1986	81,25	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
1137	L1-1138	Nguyễn Hùng Cường	Nam	28/06/1993	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1138	L1-1139	Đào Trọng Cường	Nam	23/09/1985	72,50	Đạt	60,00	Không đạt	Không đạt	
1139	L1-1140	Nguyễn Văn Cường	Nam	01/11/1997	53,75	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
1140	L1-1141	Nguyễn Quốc Cường	Nam	26/07/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1141	L1-1142	Trương Tiến Cường	Nam	15/08/1995	80,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1142	L1-1143	Bùi Tiến Đại	Nam	14/11/1991	70,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1143	L1-1144	Vũ Trọng Đại	Nam	24/11/1992	25,00	Không đạt	21,25	Không đạt	Không đạt	
1144	L1-1145	Mai Văn Đán	Nam	01/12/1984	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1145	L1-1146	Lê Bình Đăng	Nam	03/11/1984	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1146	L1-1147	Nguyễn Ngọc Đạt	Nam	05/01/1993	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1147	L1-1148	Phạm Tuấn Đạt	Nam	02/05/1991	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1148	L1-1149	Nguyễn Thế Đạt	Nam	15/07/2001	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1149	L1-1150	Quản Văn Đạt	Nam	21/08/1988	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1150	L1-1151	Nguyễn Văn Đệ	Nam	20/01/1983	86,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1151	L1-1152	Vũ Kiều Diễm	Nữ	10/03/1994	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1152	L1-1153	Triệu Thị Trang Diễm	Nữ	11/05/1995	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1153	L1-1154	Lê Bích Diệp	Nữ	03/03/1995	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1154	L1-1155	Trần Duy Diệp	Nam	07/12/1992	71,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1155	L1-1156	Chu Ngọc Diệp	Nam	07/05/1987	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1156	L1-1157	Nguyễn Thúy Diệu	Nữ	10/12/1994	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1157	L1-1158	Lương Thanh Đình	Nam	20/11/1983	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1158	L1-1159	Đặng Văn Đình	Nam	27/02/1985	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1159	L1-1160	Nguyễn Thị Đình	Nữ	10/05/1984	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1160	L1-1161	Đỗ Văn Đoan	Nam	17/02/1985	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1161	L1-1162	Phạm Văn Đoàn	Nam	01/01/1982	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1162	L1-1163	Đình Bá Đoàn	Nam	16/06/1987	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1163	L1-1164	Đào Văn Đoàn	Nam	06/05/1992	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1164	L1-1165	Nguyễn Ngọc Đông	Nam	02/06/1987	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1165	L1-1166	Nguyễn Văn Đông	Nam	28/09/1991	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1166	L1-1167	Lê Văn Đức	Nam	01/09/1986	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1167	L1-1168	Khổng Duy Đức	Nam	17/03/1981	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1168	L1-1169	Nguyễn Nguyên Đức	Nam	27/10/1984	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1169	L1-1170	Nguyễn Văn Đức	Nam	08/09/1992	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1170	L1-1171	Nguyễn Văn Đức	Nam	04/08/1995	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1171	L1-1172	Phạm Văn Đức	nam	16/11/1986	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1172	L1-1173	Lê Hồng Đức	Nam	01/12/1994	83,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1173	L1-1174	Nguyễn Đình Đức	Nam	03/11/1992	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1174	L1-1175	Phạm Anh Đức	Nam	12/04/2005	85,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1175	L1-1176	Nguyễn Thị Lan Dung	Nữ	13/11/1988	98,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1176	L1-1177	Nguyễn Thị Dung	Nữ	28/08/1992	87,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1177	L1-1178	Lê Thị Thùy Dung	Nữ	23/07/1991	96,25	Đạt	93,25	Đạt	Đạt	
1178	L1-1179	Lưu Thùy Dung	Nữ	10/02/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1179	L1-1180	Đỗ Thị Kim Dung	Nữ	06/10/1982	70,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1180	L1-1181	Nguyễn Thị Dung	Nữ	27/11/1984	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1181	L1-1182	Hoàng Thị Thùy Dung	Nữ	11/06/1986	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1182	L1-1183	Cao Duy Dũng	Nam	22/08/1996	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1183	L1-1184	Đỗ Hữu Dũng	Nam	02/01/1983	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1184	L1-1185	Ngô Doãn Dũng	Nam	21/04/1991	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1185	L1-1186	Nguyễn Anh Dũng	Nam	24/02/1998	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1186	L1-1187	Ngô Mạnh Dũng	Nam	16/11/1983	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1187	L1-1188	Bùi Văn Dũng	Nam	07/10/1985	85,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1188	L1-1189	Nguyễn Văn Dũng	Nam	08/03/1985	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1189	L1-1190	Lý Hà Dũng	Nam	16/03/1995	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1190	L1-1191	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	15/11/1996	92,50	Đạt	81,65	Đạt	Đạt	
1191	L1-1192	Hoàng Mạnh Dũng	Nam	28/09/1989	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1192	L1-1193	Nguyễn Thị Được	Nữ	02/03/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1193	L1-1194	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	14/04/1982	78,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1194	L1-1195	Trần Tuấn Duy	Nam	19/02/2002	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1195	L1-1196	Vũ Trọng Duy	Nam	22/09/2001	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1196	L1-1197	Đào Nguyễn Ngọc Duy	Nam	26/02/1994	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1197	L1-1198	Hoàng Văn Duy	Nam	08/02/1991	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1198	L1-1199	Bùi Văn Duyên	Nam	13/05/1990	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1199	L1-1200	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	06/10/1986	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1200	L1-1201	Ngô Thị Duyên	Nữ	26/09/1987	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1201	L1-1202	Hà Thị Gấm	Nữ	28/06/1999	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1202	L1-1203	Đặng Thu Giang	Nữ	09/09/1991	75,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1203	L1-1204	Nguyễn Thị Giang	Nữ	19/04/2006	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1204	L1-1205	Phạm Đức Giang	Nam	08/10/1995	88,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1205	L1-1206	Ngô Thị Giang	Nữ	25/03/1992	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1206	L1-1207	Bàn Thị Giang	Nữ	15/11/1995	50,00	Không đạt	92,50	Đạt	Không đạt	
1207	L1-1208	Nguyễn Thu Hà	Nữ	14/01/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1208	L1-1209	Đặng Thị Ngân Hà	Nữ	20/03/1987	73,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1209	L1-1210	Phạm Thị Thu Hà	Nữ	10/02/1987	81,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1210	L1-1211	Trần Thị Thu Hà	Nữ	26/12/1991	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1211	L1-1212	Dương Ngân Hà	Nữ	30/09/1985	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1212	L1-1213	Vũ Thu Hà	Nữ	28/10/1986	75,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1213	L1-1214	Bùi Thị Hà	Nữ	21/10/1998	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1214	L1-1215	Dương Thanh Hà	Nữ	24/07/1984	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1215	L1-1216	Mai Văn Hà	Nam	29/12/1990	95,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1216	L1-1217	Lê Hà	Nữ	07/10/1981	80,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1217	L1-1218	Nguyễn Thị Hà	Nữ	06/06/1986	77,50	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
1218	L1-1219	Trần Văn Hải	Nữ	14/11/1983	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1219	L1-1220	Lê Thanh Hải	Nam	09/07/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1220	L1-1221	Phạm Thanh Hải	Nam	01/06/1995	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1221	L1-1222	Trần Thanh Hải	Nam	15/06/1984	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1222	L1-1223	Vũ Tuấn Hải	Nam	01/07/1989	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1223	L1-1224	Hoàng Thị Thanh Hải	Nữ	11/12/1978	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1224	L1-1225	Hoàng Văn Hải	Nam	28/09/1986	88,75	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1225	L1-1226	Đặng Thị Hằng	Nữ	20/10/1990	85,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1226	L1-1227	Đinh Thị Hằng	Nữ	30/12/1989	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1227	L1-1228	Mai Thị Thanh Hằng	Nữ	18/10/1995	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1228	L1-1229	Ngô Thị Hằng	Nữ	22/08/1986	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1229	L1-1230	Ngô Thị Hằng	Nữ	21/01/1989	92,35	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1230	L1-1231	Phạm Thị Hằng	Nữ	02/08/2001	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1231	L1-1232	Lê Thị Hằng	Nữ	19/07/1998	96,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1232	L1-1233	Thái Thị Hằng	Nữ	24/01/1985	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1233	L1-1234	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04/01/1990	100,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1234	L1-1235	Vũ Thị Hằng	Nữ	07/08/1975	71,25	Đạt	72,50	Đạt	Đạt	
1235	L1-1236	Lê Thị Hạnh	Nữ	05/09/1987	98,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1236	L1-1237	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	06/02/1991	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1237	L1-1238	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	04/12/1994	76,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1238	L1-1239	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	20/06/1980	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1239	L1-1240	Đoàn Mỹ Hạnh	Nữ	27/04/2004	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1240	L1-1241	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	08/03/1996	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1241	L1-1242	Ngô Văn Hạnh	Nam	08/06/1981	83,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1242	L1-1243	Nguyễn Thúy Hậu	Nữ	22/09/1993	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1243	L1-1244	Man Trung Hậu	Nam	17/08/1980	80,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1244	L1-1245	Đỗ Thị Hậu	Nữ	30/06/1984	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1245	L1-1246	Đặng Văn Hay	Nam	25/09/1998	88,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1246	L1-1247	Hứa Thị Hè	Nữ	02/11/1979	77,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1247	L1-1248	Trần Thị Phương Hiền	Nữ	31/08/1996	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1248	L1-1249	Trương Thị Hiền	Nữ	07/08/1989	83,75	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1249	L1-1250	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12/04/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1250	L1-1251	Vũ Thị Hiền	Nữ	22/10/1986	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1251	L1-1252	Nguyễn Hữu Hiệp	Nam	01/09/1997	80,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1252	L1-1253	Nguyễn Quang Hiệp	Nam	07/07/1990	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1253	L1-1254	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	05/09/2000	82,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1254	L1-1255	Phùng Trung Hiếu	Nam	18/11/2001	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1255	L1-1256	Vũ Minh Hiếu	Nam	02/07/2000	80,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1256	L1-1257	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	12/07/1995	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1257	L1-1258	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	26/04/1985	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1258	L1-1259	Đoàn Thị Minh Hiếu	Nữ	01/04/1979	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1259	L1-1260	Lê Như Hiếu	Nam	23/09/2002	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1260	L1-1261	Đỗ Minh Hiếu	Nữ	20/11/1994	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1261	L1-1262	Trần Trung Hiếu	Nam	24/12/1990	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1262	L1-1263	Đỗ Xuân Hiệu	Nam	16/09/1989	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1263	L1-1264	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	01/03/1983	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1264	L1-1265	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	20/05/1991	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1265	L1-1266	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	24/08/1985	91,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1266	L1-1267	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	26/02/1983	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1267	L1-1268	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	24/09/1992	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1268	L1-1269	Hoàng Thị Hoa	Nữ	22/11/1987	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1269	L1-1270	Phạm Thúy Hoa	Nữ	19/10/1979	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1270	L1-1271	Bùi Thị Hòa	Nữ	02/09/1995	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1271	L1-1272	Lê Thị Thu Hòa	Nữ	17/12/2003	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1272	L1-1273	Phùng Thị Hòa	Nữ	28/12/1994	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1273	L1-1274	Vương Thị Hòa	Nữ	20/04/1985	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1274	L1-1275	Phạm Hữu Hòa	Nam	03/04/1985	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1275	L1-1276	Đào Thị Hòa	Nữ	16/04/1986	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1276	L1-1277	Ngô Văn Hòa	Nam	19/03/1970	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1277	L1-1278	Nguyễn Chu Đức Hoài	Nam	15/06/1994	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1278	L1-1279	Trần Thị Hoan	Nữ	12/02/1987	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1279	L1-1280	Đỗ Đình Hoan	Nam	18/01/1988	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1280	L1-1281	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	11/12/1992	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1281	L1-1282	Triệu Huy Hoàng	Nam	31/12/1982	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1282	L1-1283	Phan Nguyễn Nhật Hoàng	Nam	03/06/2003	58,75	Không đạt	70,00	Đạt	Không đạt	
1283	L1-1284	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	06/12/2002	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1284	L1-1285	Phạm Thị Hoạt	Nữ	24/01/1992	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1285	L1-1286	Trương Thị Hội	Nữ	20/12/1969	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1286	L1-1287	Lê Thị Hội	Nữ	08/09/1983	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1287	L1-1288	Dương Thị Hồng	Nữ	28/11/1990	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1288	L1-1289	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	24/06/1983	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1289	L1-1290	Nguyễn Thu Hồng	Nữ	01/10/1988	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1290	L1-1291	Phạm Thị Hồng	Nữ	05/04/1984	95,00	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1291	L1-1292	Đỗ Thị Hồng	Nữ	02/01/1974	88,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1292	L1-1293	Phạm Thị Bích Hợp	Nữ	23/04/1983	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1293	L1-1294	Hoàng Trọng Huân	Nam	11/04/1990	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1294	L1-1295	Từ Bá Huân	Nam	01/06/1986	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1295	L1-1296	Phạm Xuân Huân	Nam	12/01/1987	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1296	L1-1297	Đỗ Lệ Huệ	Nữ	05/09/1988	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1297	L1-1298	Nguyễn Hữu Huệ	Nam	05/02/1981	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1298	L1-1299	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	22/11/1991	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1299	L1-1300	Vũ Thị Bích Huệ	Nữ	12/09/1979	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1300	L1-1301	Lê Thị Huệ	Nữ	16/10/1991	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1301	L1-1302	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	16/05/1974	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1302	L1-1303	Đỗ Mạnh Hùng	Nam	23/12/1988	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1303	L1-1304	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	15/04/2003	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1304	L1-1305	Phạm Thái Hưng	Nam	24/08/1991	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1305	L1-1306	Nguyễn Duy Hưng	Nam	11/07/1991	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1306	L1-1307	Phạm Duy Hưng	Nam	25/10/1979	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1307	L1-1308	Bùi Văn Hưng	Nam	26/04/1984	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1308	L1-1309	Vũ Quang Hưng	Nam	22/07/2003	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1309	L1-1310	Nguyễn Huy Hưng	Nam	11/10/1983	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1310	L1-1311	Phùng Đức Hưng	Nam	18/02/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1311	L1-1312	Trần Văn Hưng	Nam	15/11/1994	97,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1312	L1-1313	Vũ Văn Hưng	Nam	20/10/1995	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1313	L1-1314	Đan Đình Hưng	Nam	13/08/1989	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1314	L1-1315	Nguyễn Hưng	Nam	26/03/1991	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1315	L1-1316	Nguyễn Đình Hưng	Nam	01/05/1990	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1316	L1-1317	Nguyễn Văn Hưng	Nam	01/11/1988	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1317	L1-1318	Đình Thị Hương	Nữ	13/02/2001	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1318	L1-1319	Vũ Nguyên Hương	Nữ	28/04/1988	86,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1319	L1-1320	Kiều Thị Thu Hương	Nữ	20/08/1985	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1320	L1-1321	Nguyễn Thị Lệ Hương	Nữ	10/09/1985	77,50	Đạt	91,55	Đạt	Đạt	
1321	L1-1322	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	17/06/1992	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1322	L1-1323	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	28/04/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1323	L1-1324	Phạm Thị Hương	Nữ	06/06/1987	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1324	L1-1325	Phạm Thị Lan Hương	Nữ	14/08/1991		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1325	L1-1326	Chữ Thị Hương	Nữ	14/05/2000	96,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1326	L1-1327	Vũ Thị Hương	Nữ	25/11/1987	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1327	L1-1328	Nguyễn Thu Hương	Nữ	30/01/2003	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1328	L1-1329	Mai Hương	Nữ	28/09/1984	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1329	L1-1330	Nguyễn Thị Hường	Nữ	18/11/1996	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1330	L1-1331	Vũ Thị Thu Hường	Nữ	09/01/1978	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1331	L1-1332	Nguyễn Thu Hường	Nữ	27/08/1978	76,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1332	L1-1333	Đào Thị Bích Hường	Nữ	26/06/1987	85,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1333	L1-1334	Nguyễn Quang Huy	Nam	18/11/1992	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1334	L1-1335	Phạm Văn Huy	Nam	21/04/1990	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1335	L1-1336	Nguyễn Vũ Huy	Nam	19/10/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1336	L1-1337	Lê Trung Huy	Nam	10/10/1989	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1337	L1-1338	Phạm Gia Huy	Nam	22/09/2002	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1338	L1-1339	Phạm Quang Huy	Nam	12/01/1980	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1339	L1-1340	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	04/01/1991	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1340	L1-1341	Phạm Thu Huyền	Nữ	11/12/1982	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1341	L1-1342	Giáp Thanh Huyền	Nữ	14/07/1970	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1342	L1-1343	Lê Thị Huyền	Nữ	02/08/1990	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1343	L1-1344	Vương Thị Huyền	Nữ	30/07/1983	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1344	L1-1345	Hà Thị Huyền	Nữ	01/10/1990	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1345	L1-1346	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	08/10/1988	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1346	L1-1347	Hoàng Thị Huyền	Nữ	18/04/1989	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1347	L1-1348	Lê Thị Huyền	Nữ	27/06/1990	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1348	L1-1349	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	21/12/1993	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1349	L1-1350	Lê Thị Huyền	Nữ	13/08/2005	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1350	L1-1351	Đào Thu Huyền	Nữ	20/09/1990	96,25	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1351	L1-1352	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	11/03/1986	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1352	L1-1353	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	08/01/1981	90,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1353	L1-1354	Phùng Thị Thanh Huyền	Nữ	27/01/1995	100,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1354	L1-1355	Nguyễn Ngọc Khải	Nam	12/04/2003	70,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1355	L1-1356	Trần Duy Khánh	Nam	09/11/1996	72,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1356	L1-1357	Nguyễn Duy Khánh	Nam	16/09/1993	78,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1357	L1-1358	Nguyễn Minh Khôi	Nam	25/11/1995	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1358	L1-1359	Hoàng Văn Khương	Nam	17/06/1990	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1359	L1-1360	Ngô Trung Kiên	Nam	07/10/1992	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1360	L1-1361	Đỗ Xuân Kiên	Nam	12/03/1982	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1361	L1-1362	Nguyễn Trung Kiên	Nam	08/07/1983	76,25	Đạt	70,00	Đạt	Đạt	
1362	L1-1363	Nguyễn Trung Kiên	Nam	07/05/1987	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1363	L1-1364	Nguyễn Trung Kiên	Nam	10/12/1984	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1364	L1-1365	Tạ Ngọc Kiên	Nam	14/12/1984	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1365	L1-1366	Trần Thị Kiều	Nữ	25/07/1992	81,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1366	L1-1367	Bàn Cao Kỳ	Nam	20/01/1991	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1367	L1-1368	Nguyễn Hữu Lâm	Nam	08/03/1986	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1368	L1-1369	Phạm Xuân Lâm	Nam	04/03/1984	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1369	L1-1370	Lê Văn Lâm	Nam	30/09/1984	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1370	L1-1371	Nguyễn Thị Lan	Nữ	25/02/1996	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1371	L1-1372	Vũ Thế Lâm	Nam	23/01/1983	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1372	L1-1373	Mai Thị Lành	Nữ	20/07/1987	85,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1373	L1-1374	Đỗ Xuân Lập	Nam	20/10/1988	92,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1374	L1-1375	Hoàng Doãn Lập	Nam	07/06/1985	75,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1375	L1-1376	Hồ Văn Lê	Nam	08/07/1991	85,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1376	L1-1377	Vũ Thị Len	Nữ	18/04/1984	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1377	L1-1378	Phạm Thị Liên	Nữ	25/10/1991	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1378	L1-1379	Hồ Thị Liên	Nữ	16/04/1987	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1379	L1-1380	Ngô Thị Liên	Nữ	13/02/1985	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1380	L1-1381	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	29/08/1986	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1381	L1-1382	Nguyễn Thị Liên	Nữ	02/08/1985	91,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1382	L1-1383	Lý Văn Linh	Nam	08/07/1986	83,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1383	L1-1384	Nguyễn Bảo Linh	Nữ	10/03/1998	86,25	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1384	L1-1385	Lê Thị Thuý Linh	Nữ	03/10/1989	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1385	L1-1386	Nguyễn Văn Linh	Nam	24/09/1990	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1386	L1-1387	Đặng Thùy Linh	Nữ	13/09/2001	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1387	L1-1388	Đặng Tuấn Linh	Nam	05/01/1993	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1388	L1-1389	Lê Vũ Diệu Linh	Nữ	11/04/2001	71,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1389	L1-1390	Nguyễn Hải Linh	Nữ	03/09/1999	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1390	L1-1391	Vũ Mạnh Linh	Nam	24/03/1989	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1391	L1-1392	Trịnh Thị Mỹ Linh	Nữ	12/10/1986	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1392	L1-1393	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	20/09/1994	82,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1393	L1-1394	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	15/12/1992	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1394	L1-1395	Đào Khánh Nhật Linh	Nữ	20/08/2006	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1395	L1-1396	Lê Thuý Linh	Nữ	14/10/2001	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1396	L1-1397	Trịnh Thuý Linh	Nữ	09/06/2003	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1397	L1-1398	Trần Thị Hồng Linh	Nữ	08/08/1985	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1398	L1-1399	Niêm Thị Loan	Nữ	13/07/1987	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1399	L1-1400	Đào Xuân Lộc	Nam	02/11/2006	80,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1400	L1-1401	Lê Xuân Lộc	Nam	03/03/1994	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1401	L1-1402	Nguyễn Hữu Long	Nam	29/07/1990	73,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1402	L1-1403	Nguyễn Văn Long	Nam	01/10/1983	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1403	L1-1404	Trịnh Hoàng Long	Nam	30/12/1984	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1404	L1-1405	Vũ Hưng Long	Nam	20/04/1998	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1405	L1-1406	Quản Trọng Luân	Nam	16/06/1988	80,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1406	L1-1407	Vũ Thành Luân	Nam	01/11/1993	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1407	L1-1408	Hoàng Thị Luân	Nữ	10/05/2002	96,25	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1408	L1-1409	Vũ Văn Luận	Nam	09/01/1984	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1409	L1-1410	Nguyễn Văn Lực	Nam	19/12/1984	86,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1410	L1-1411	Kiều Văn Lực	Nam	15/10/1973	95,00	Đạt	78,25	Đạt	Đạt	
1411	L1-1412	Nguyễn Việt Lương	Nam	28/02/1991	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1412	L1-1413	Khuất Năng Lương	Nam	12/12/1999	98,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1413	L1-1414	Nguyễn Duy Lượng	Nam	14/07/1990	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1414	L1-1415	Trần Thanh Lưu	Nam	11/06/1980	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1415	L1-1416	Phạm Thị Luyên	Nữ	08/04/1995	98,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1416	L1-1417	Lê Thị Luyến	Nữ	19/12/1987	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1417	L1-1418	Lê Cao Lý	Nam	11/11/2005	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1418	L1-1419	Nguyễn Văn Lý	Nam	12/12/1990	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1419	L1-1420	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	23/04/1985	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1420	L1-1421	Dương Phương Quỳnh Mai	Nữ	11/01/1989	58,75	Không đạt	85,00	Đạt	Không đạt	
1421	L1-1422	Trịnh Hoàng Mai	Nữ	25/07/1986	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1422	L1-1423	Đỗ Ngọc Mai	Nữ	16/02/1991	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1423	L1-1424	Lại Thị Mai	Nữ	13/01/1988	98,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1424	L1-1425	Vũ Thị Loan Mai	Nữ	04/01/1993	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1425	L1-1426	Đỗ Thuý Mai	Nữ	26/08/1981	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1426	L1-1427	Trần Chính Mạnh	Nam	27/04/1990	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1427	L1-1428	Lê Đức Mạnh	Nam	24/10/1994	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1428	L1-1429	Nguyễn Văn Mão	Nam	12/06/1987	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1429	L1-1430	Phạm Thị Mến	Nữ	25/12/1992	86,25	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1430	L1-1431	Đặng Thị Minh	Nữ	04/11/1982	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1431	L1-1432	Nguyễn Hữu Minh	Nam	10/09/1986	87,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1432	L1-1433	Đỗ Minh Minh	Nữ	10/09/1998		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1433	L1-1434	Nguyễn Danh Minh	Nam	01/08/1989	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1434	L1-1435	Phạm Quang Minh	Nam	23/05/2003	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1435	L1-1436	Lê Huy Quang Minh	Nam	19/01/2003	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1436	L1-1437	Nguyễn Đăng Minh	Nam	14/02/2000	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1437	L1-1438	Trần Công Minh	Nam	05/04/2001	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1438	L1-1439	Hồ Tuệ Minh	Nữ	18/11/2004	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1439	L1-1440	Nguyễn Tường Minh	Nam	01/12/1969	87,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1440	L1-1441	Đoàn Thị Mơ	Nữ	23/09/1995	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1441	L1-1442	Phạm Thị Trà My	Nữ	23/11/1998	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1442	L1-1443	Đỗ Hà My	Nữ	06/04/1996	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1443	L1-1444	Hoàng Trà My	Nữ	11/02/1996	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1444	L1-1445	Bạch Văn Nam	Nam	15/08/1988	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1445	L1-1446	Hoàng Hải Nam	Nam	13/09/2002	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1446	L1-1447	Trần Thế Nam	Nam	29/01/1976	95,00	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1447	L1-1448	Trần Hoài Nam	Nam	10/10/1990	97,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1448	L1-1449	Đặng Phương Nam	Nam	11/08/1994	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1449	L1-1450	Đỗ Hải Nam	Nam	02/12/1993	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1450	L1-1451	Phạm Đức Nam	Nam	10/12/1987	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1451	L1-1452	Nguyễn Văn Nam	Nam	20/04/1984	93,75	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1452	L1-1453	Nguyễn Đình Hoài Nam	Nam	13/01/2005	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1453	L1-1454	Phan Văn Năng	Nam	05/01/2002	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1454	L1-1455	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	19/09/1990	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1455	L1-1456	Lê Thị Nga	Nữ	22/08/1974	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1456	L1-1457	Trịnh Thị Bích Nga	Nữ	21/08/1982	86,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1457	L1-1458	Trần Thị Ngân	Nữ	31/10/1995	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1458	L1-1459	Nguyễn Thị Hà Ngân	Nữ	09/03/1989	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1459	L1-1460	Nguyễn Thị Hà Ngân	Nữ	21/06/1989	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1460	L1-1461	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	01/01/1976	90,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1461	L1-1462	Nguyễn Chí Nghĩa	Nam	26/07/1977	62,50	Không đạt	82,50	Đạt	Không đạt	
1462	L1-1463	Phạm Minh Nghĩa	Nam	09/10/1988	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1463	L1-1464	Phạm Thị Nghĩa	Nữ	01/12/1991	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1464	L1-1465	Nguyễn Minh Nghĩa	Nam	31/10/1984	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1465	L1-1466	Nguyễn Thị Nghĩa	Nữ	16/11/1990	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1466	L1-1467	Hoàng Thị Bích Ngọc	Nữ	11/08/1980	93,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1467	L1-1468	Vũ Huyền Ngọc	Nữ	25/09/1978	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1468	L1-1469	Nguyễn Thị Giá Ngọc	Nữ	22/05/1991	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1469	L1-1470	Nguyễn Trọng Ngọc	Nam	14/12/1989	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1470	L1-1471	Nguyễn Hồng Ngọc	Nữ	12/07/2002	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1471	L1-1472	Võ Thị Bích Ngọc	Nữ	26/04/1977	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1472	L1-1473	Trần Thị Bích Ngọc	Nữ	03/08/1971	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1473	L1-1474	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Nữ	25/04/1979	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1474	L1-1475	Đỗ Minh Ngọc	Nữ	05/02/1985	91,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1475	L1-1476	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	10/05/1997	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1476	L1-1477	Trương Thị Cẩm Ngọc	Nữ	28.4.1974	81,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1477	L1-1478	Phan Thái Nguyên	Nam	11/04/1984	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1478	L1-1479	Ngô Vi Nguyên	Nam	30/09/2002	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1479	L1-1480	Phạm Thị Nguyệt	Nữ	22/12/1990	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1480	L1-1481	Hoàng Thị Thu Nguyệt	Nữ	10/10/2003	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1481	L1-1482	Phạm Thanh Nhân	Nam	12/06/1982	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1482	L1-1483	Lê Trọng Nhân	Nam	23/05/1979	98,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1483	L1-1484	Nguyễn Đắc Nhân	Nam	22/04/1996		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1484	L1-1485	Trần Văn Nhật	Nam	02/08/1971	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1485	L1-1486	Nguyễn Thị Yến Nhi	Nữ	20/08/1993	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1486	L1-1487	Tạ Thị Hồng Nhung	Nữ	30/10/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1487	L1-1488	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	05/09/1996		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1488	L1-1489	Trần Thị Tuyết Nhung	Nữ	10/10/1987	96,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1489	L1-1490	Phạm Thị Nhung	Nữ	27/07/1979	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1490	L1-1491	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	18/08/2007		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1491	L1-1492	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	12/02/1993	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1492	L1-1493	Đỗ Thị Nhung	Nữ	27/07/1983	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1493	L1-1494	Trần Thị Trang Nhung	Nữ	08/11/1993	75,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1494	L1-1495	Vũ Văn Ninh	Nam	23/04/1998	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1495	L1-1496	Nguyễn Thị Lan Oanh	Nữ	15/03/1978	80,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1496	L1-1497	Vũ Thị Tuấn Oanh	Nữ	16/09/1995	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1497	L1-1498	Trần Thị Kiều Oanh	Nữ	18/11/1981	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1498	L1-1499	Trần Ngọc Phong	Nam	08/01/1968	66,25	Không đạt	72,50	Đạt	Không đạt	
1499	L1-1500	Ngô Quang Phong	Nam	06/07/1978	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1500	L1-1501	Ninh Đức Phong	Nam	11/09/1995	86,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1501	L1-1502	Phạm Hồng Phong	Nam	11/10/1987	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1502	L1-1503	Nguyễn Huy Phong	Nam	08/08/1990	83,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1503	L1-1504	Vũ Hồng Phòng	Nam	17/01/1993	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1504	L1-1505	Xa Thị Phú	Nữ	16/07/1983	55,00	Không đạt	76,25	Đạt	Không đạt	
1505	L1-1506	Phạm Văn Phúc	Nam	05/03/1993	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1506	L1-1507	Trịnh Trường Phúc	Nam	21/10/2005	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1507	L1-1508	Trần Hữu Phúc	Nam	21/09/1976	93,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1508	L1-1509	Nguyễn Đình Phụng	Nam	16/01/1998	83,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1509	L1-1510	Nguyễn Thiện Phương	Nam	04/07/1976	76,25	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1510	L1-1511	Hoàng Thị Thu Phương	Nữ	19/03/1993	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1511	L1-1512	Hoàng Nam Phương	Nam	05/02/1990	85,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1512	L1-1513	Lê Uyên Phương	Nữ	23/09/1980	83,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1513	L1-1514	Nguyễn Khánh Phương	Nữ	16/09/1997	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1514	L1-1515	Đỗ Lan Phương	Nữ	21/09/1992	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1515	L1-1516	Trần Thục Phương	Nữ	25/08/1994	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1516	L1-1517	Lê Anh Phương	Nữ	28/11/1992	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1517	L1-1518	Nguyễn Thị Phương	Nữ	25/12/1991	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1518	L1-1519	Võ Thị Ngọc Phương	Nữ	11/07/1996	95,00	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1519	L1-1520	Lục Thị Phương	Nữ	10/09/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1520	L1-1521	Nguyễn Thị Bích Phương	Nữ	03/12/1972	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1521	L1-1522	Nguyễn Thị Hồng Phương	Nữ	20/09/1994	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1522	L1-1523	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	23/09/1979	58,75	Không đạt	90,00	Đạt	Không đạt	
1523	L1-1524	Trần Thị Phương	Nữ	13/09/1989	82,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1524	L1-1525	Vũ Thị Phương	Nữ	12/08/1988	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1525	L1-1526	Nguyễn Thị Phương	Nữ	29/06/1985	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1526	L1-1527	Nguyễn Thị Phương	Nữ	02/02/1990	88,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1527	L1-1528	Hà Thị Phương	Nữ	29/11/1994	86,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1528	L1-1529	Nguyễn Hồng Quân	Nam	22/09/1989	87,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1529	L1-1530	Nguyễn Minh Quân	Nam	15/04/2004	85,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1530	L1-1531	Hoàng Văn Quân	Nam	12/11/1982	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1531	L1-1532	Phạm Văn Quân	Nam	25/07/1993	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1532	L1-1533	Dương Bá Quân	Nam	29/01/1987	92,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1533	L1-1534	Trần Đức Quân	Nam	23/12/1985	83,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1534	L1-1535	Trần Anh Quân	Nam	22/08/1987	95,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1535	L1-1536	Phạm Hồng Quân	Nam	05/04/1993	82,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1536	L1-1537	Lâm Đức Quang	Nam	21/09/1986	82,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1537	L1-1538	Nguyễn Văn Quang	Nam	05/10/1984	75,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1538	L1-1539	Nguyễn Văn Quảng	Nam	20/08/1960		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1539	L1-1540	Nguyễn Duy Quốc	Nam	21/09/1994	78,75	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1540	L1-1541	Trần Thị Quý	Nữ	09/05/1983	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1541	L1-1542	Điệp Xuân Quý	Nam	08/01/1992	82,50	Đạt	71,25	Đạt	Đạt	
1542	L1-1543	Trịnh Tổ Quyên	Nữ	15/02/1977		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1543	L1-1544	Chu Thị Quyên	Nữ	17/09/1983	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1544	L1-1545	Hoàng Thị Quyên	Nữ	19/03/1992	86,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1545	L1-1546	Phạm Tôn Quyên	Nam	10/12/1986	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1546	L1-1547	Nguyễn Văn Quyết	Nam	26/08/1990	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1547	L1-1548	Vũ Cương Quyết	Nam	13/05/1978	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1548	L1-1549	Khương Thị Thúy Quỳnh	Nữ	03/07/2003	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1549	L1-1550	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	21/10/2000	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1550	L1-1551	Vũ Quang Quỳnh	Nam	06/10/1986	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1551	L1-1552	Đỗ Thị Quỳnh	Nữ	15/09/1991		Không đạt		Không đạt	Không đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1552	L1-1553	Hồ Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	17/09/1997	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1553	L1-1554	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	22/03/1981	92,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1554	L1-1555	Nguyễn Thúy Quỳnh	Nữ	28/02/1992	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1555	L1-1556	Đỗ Xuân Quỳnh	Nam	28/04/1988	90,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1556	L1-1557	Đặng Thị Như Quỳnh	Nữ	01/09/1988	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1557	L1-1558	Hoàng Thị Quỳnh	Nữ	12/01/1991	83,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1558	L1-1559	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	07/02/1982	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1559	L1-1560	Hoàng Thị Phương Quỳnh	Nữ	04/11/1995	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1560	L1-1561	Nguyễn Văn Sáng	Nam	23/03/1993	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1561	L1-1562	Nguyễn Công Sơn	Nam	24/10/1990	93,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1562	L1-1563	Phạm Thành Sơn	Nam	11/01/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1563	L1-1564	Đình Văn Sơn	Nam	21/03/1984	83,75	Đạt	73,75	Đạt	Đạt	
1564	L1-1565	Lê Vũ Hoàng Sơn	Nam	21/11/2003	95,00	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1565	L1-1566	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	12/06/1993	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1566	L1-1567	Phạm Tiến Sơn	Nam	09/11/1991	91,25	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1567	L1-1568	Lê Hoàng Sơn	Nam	01/01/2007	88,75	Đạt	65,00	Không đạt	Không đạt	
1568	L1-1569	Lê Hồng Sơn	Nam	19/01/2004		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1569	L1-1570	Nguyễn Văn Song	Nam	06/08/1989	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1570	L1-1571	Trần Minh Sỹ	Nam	22/06/1992	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1571	L1-1572	Bùi Mạnh Tài	Nam	13/01/1973	85,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1572	L1-1573	Đình Văn Tài	Nam	15/01/1985	91,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1573	L1-1574	Đỗ Thị Thanh Tâm	Nữ	13/10/1997		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1574	L1-1575	Phan Chí Tâm	Nam	21/07/1993	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1575	L1-1576	Nguyễn Văn Tâm	Nam	24/10/1974	88,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1576	L1-1577	Lê Thị Tâm	Nữ	10/03/1985	86,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1577	L1-1578	Nguyễn Thị Tân	Nữ	15/09/1990	96,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1578	L1-1579	Đỗ Quang Tân	Nam	19/11/1992	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1579	L1-1580	Nguyễn Đức Tân	Nam	15/06/1981		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1580	L1-1581	Đỗ Gia Tân	Nam	01/05/1987	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1581	L1-1582	Đặng Văn Tấn	Nam	19/10/1989	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1582	L1-1583	Bùi Đình Tấn	Nam	04/08/2000	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1583	L1-1584	Đàm Thị Minh Tấn	Nữ	13/12/1979	91,25	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1584	L1-1585	Nguyễn Quang Thái	Nữ	19/04/1987	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1585	L1-1586	Nguyễn Xuân Thái	Nam	09/06/2005	81,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1586	L1-1587	Nguyễn Thị Thắm	Nữ	04/01/1989	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1587	L1-1588	Vũ Thị Thắm	Nữ	12/10/1993	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1588	L1-1589	Đặng Thị Hồng Thắm	Nữ	24/10/1989	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1589	L1-1590	Phạm Ngọc Thắng	Nam	10/10/1990	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1590	L1-1591	Trần Quang Thắng	Nam	21/12/1973	90,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1591	L1-1592	Nguyễn Văn Thắng	Nam	02/09/1984	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1592	L1-1593	Bùi Thế Thắng	Nam	21/05/1996	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1593	L1-1594	Hoàng Anh Thắng	Nam	29/01/2001	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1594	L1-1595	Nguyễn Công Thắng	Nam	08/05/1994	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1595	L1-1596	Nguyễn Chiến Thắng	Nam	01/01/1992	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1596	L1-1597	Dương Việt Thắng	Nam	16/10/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1597	L1-1598	Nguyễn Khắc Thanh	Nam	19/10/1967	88,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1598	L1-1599	Lê Hồng Thanh	Nam	13/07/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1599	L1-1600	Đỗ Thị Thanh	Nữ	14/07/1980	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1600	L1-1601	Dương Thị Thanh	Nữ	26/03/1991	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1601	L1-1602	Lê Thị Thanh	Nữ	07/05/1994	91,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1602	L1-1603	Nguyễn Văn Thành	Nam	11/05/1977	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1603	L1-1604	Nguyễn Danh Thành	Nam	20/07/2002	87,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1604	L1-1605	Phan Khắc Thành	Nam	30/04/1990	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1605	L1-1606	Nguyễn Văn Thành	Nam	11/08/1983	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1606	L1-1607	Vũ Chí Thành	Nam	04/07/1995	78,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1607	L1-1608	Phùng Trung Thành	Nam	21/01/1979	90,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1608	L1-1609	Nguyễn Văn Thao	Nam	24/05/1987	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1609	L1-1610	Đỗ Tiến Thao	Nam	09/10/1987	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1610	L1-1611	Phó Đình Thảo	Nam	19/01/1987		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1611	L1-1612	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/07/1997	90,00	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1612	L1-1613	Ngô Thị Thu Thảo	Nữ	28/06/1996	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1613	L1-1614	Đỗ Thị Thảo	Nữ	07/07/1990	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1614	L1-1615	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	01/07/2001	95,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1615	L1-1616	Nguyễn Thị Minh Thảo	Nữ	07/09/1992	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1616	L1-1617	Phùng Phương Thảo	Nữ	25/08/1996	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1617	L1-1618	Lâm Thị Thảo	Nữ	24/03/1991	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1618	L1-1619	Hoàng Phương Thảo	Nữ	19/09/1987	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1619	L1-1620	Vũ Thị Thảo	Nữ	14/10/1995	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1620	L1-1621	Ngô Thị Thảo	Nữ	17/01/1995	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1621	L1-1622	Hoàng Phương Thảo	Nữ	10/01/2002	92,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1622	L1-1623	Phạm Thị Thảo	Nữ	24/10/1992	90,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1623	L1-1624	Mai Văn Thế	Nam	04/07/1996	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1624	L1-1625	Nguyễn Anh Thế	Nam	22/03/1993	91,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1625	L1-1626	Nguyễn Thị Thềm	Nữ	30/03/1990	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1626	L1-1627	Nguyễn Quang Thi	Nam	26/11/1973	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1627	L1-1628	Nguyễn Phúc Thịnh	Nam	24/04/1991	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1628	L1-1629	Nguyễn Quang Thịnh	Nam	28/06/1985	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1629	L1-1630	Hoàng Nguyên Thịnh	Nam	22/11/2004	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1630	L1-1631	Hoàng Văn Thịnh	Nam	22/12/1998	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1631	L1-1632	Trần Huy Thịnh	Nam	08/05/1999	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1632	L1-1633	Nguyễn Hữu Thọ	Nam	10/10/1983	92,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1633	L1-1634	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	27/07/1968	95,00	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1634	L1-1635	Vũ Thị Kim Thoa	Nữ	08/11/1980	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1635	L1-1636	Hà Thị Thơm	Nữ	09/09/1984	88,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1636	L1-1637	Đặng Hà Thu	Nữ	30/12/1986	97,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1637	L1-1638	Nguyễn Thị Thu	Nữ	01/10/1984	81,25	Đạt	76,25	Đạt	Đạt	
1638	L1-1639	Nguyễn Thị Thu	Nữ	07/10/1990	91,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1639	L1-1640	Lê Tôn Anh Thu	Nữ	30/12/1992	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1640	L1-1641	Tạ Thị Anh Thu	Nữ	01/01/1986	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1641	L1-1642	Hồ Minh Thu	Nữ	29/07/2006	96,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1642	L1-1643	Nguyễn Văn Thụ	Nam	05/03/2003	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1643	L1-1644	Lê Văn Thứ	Nam	02/05/2001	96,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1644	L1-1645	Nguyễn Văn Thuận	Nam	03/10/1984	88,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1645	L1-1646	Phạm Nguyễn Thuận	Nam	04/04/1976	82,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1646	L1-1647	Thân Đức Thuận	Nam	18/07/1997	85,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1647	L1-1648	Đình Xuân Thuận	Nam	02/09/1993	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1648	L1-1649	Ngô Xuân Thương	Nam	11/03/1982	87,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1649	L1-1650	Vũ Thị Thương	Nữ	08/02/1989	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1650	L1-1651	Lại Thị Thủy	Nữ	26/01/1992	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1651	L1-1652	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	19/01/1989	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1652	L1-1653	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	12/02/1980	91,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1653	L1-1654	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	13/05/1994	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1654	L1-1655	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	07/09/1988	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1655	L1-1656	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	17/01/1996	87,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1656	L1-1657	Vũ Thị Thùy	Nữ	29/11/2001	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1657	L1-1658	Phạm Thị Thùy	Nữ	19/09/1989	91,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1658	L1-1659	Ngô Thị Lệ Thùy	Nữ	04/02/1984	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1659	L1-1660	Phạm Thị Chung Thùy	Nữ	07/09/1972	87,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1660	L1-1661	Đỗ Thị Thủy	Nữ	08/01/1997	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1661	L1-1662	Nguyễn Văn Thủy	Nam	29/07/1989	82,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1662	L1-1663	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	09/10/1981	66,25	Không đạt	81,25	Đạt	Không đạt	
1663	L1-1664	Đoàn Thị Thủy	Nữ	17/07/2000	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1664	L1-1665	Đỗ Bích Thủy	Nữ	20/11/1988	73,75	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1665	L1-1666	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	24/09/1995	93,75	Đạt	97,50	Đạt	Đạt	
1666	L1-1667	Vũ Thanh Thủy	Nữ	18/08/1987	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1667	L1-1668	Hoàng Thái Thụy	Nam	24/09/1984	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1668	L1-1669	Phạm Văn Thuyền	Nam	03/03/1968	83,75	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1669	L1-1670	Nguyễn Ngọc Tiến	Nam	03/05/1987	93,75	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1670	L1-1671	Hoàng Văn Tiến	Nam	23/10/1985	76,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1671	L1-1672	Quản Hữu Tiến	Nam	08/08/1989	97,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1672	L1-1673	Đình Xuân Tiệp	Nam	02/09/1983	81,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1673	L1-1674	Bùi Văn Tinh	Nam	27/08/1990	98,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1674	L1-1675	Đàm Thị Toan	Nữ	09/11/1992	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1675	L1-1676	Nguyễn Huy Toàn	Nam	15/10/1979	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1676	L1-1677	Vũ Trung Toàn	Nam	06/02/1991	92,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1677	L1-1678	Ngô Văn Tòng	Nam	19/07/1988	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1678	L1-1679	Trần Thị Trâm	Nữ	01/01/1967	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1679	L1-1680	Đỗ Ngọc Trâm	Nữ	20/08/1983	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1680	L1-1681	Hoàng Thu Trang	Nữ	07/01/2002	97,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1681	L1-1682	Trần Thị Trang	Nữ	13/06/1985	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1682	L1-1683	Đinh Thiên Trang	Nữ	20/11/1993	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1683	L1-1684	Trần Thuỳ Trang	Nữ	22/02/1995	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1684	L1-1685	Lưu Thu Trang	Nữ	10/09/1987	97,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1685	L1-1686	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	13/08/1983	93,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1686	L1-1687	Đặng Vũ Quỳnh Trang	Nữ	29/09/2005	98,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1687	L1-1688	Phạm Thị Trang	Nữ	02/12/1991	92,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1688	L1-1689	Đinh Thị Như Trang	Nữ	27/09/1985	97,50	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1689	L1-1690	Nguyễn Thị Trang	Nữ	25/07/1991	97,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1690	L1-1691	Ngô Thị Quỳnh Trang	Nữ	12/07/1995	93,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1691	L1-1692	Đỗ Thị Trang	Nữ	18/09/1986	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1692	L1-1693	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	17/08/1986	97,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1693	L1-1694	Phạm Quỳnh Trang	Nữ	09/01/1992	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1694	L1-1695	Nguyễn Thành Trí	Nam	08/12/1991	88,75	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1695	L1-1696	Bùi Thị Trinh	Nữ	07/08/1994	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1696	L1-1697	Phạm Xuân Trọng	Nam	08/10/1994	86,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1697	L1-1698	Vũ Xuân Trọng	Nam	06/06/1984	88,75	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1698	L1-1699	Đinh Quý Trọng	Nam	12/01/1992	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1699	L1-1700	Nguyễn Đức Trung	Nam	06/12/1997	91,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1700	L1-1701	Nguyễn Năng Trung	Nam	02/01/1996	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1701	L1-1702	Trần Quang Trung	Nam	15/11/1980	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1702	L1-1703	Trịnh Quang Trung	Nam	19/09/1983	80,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1703	L1-1704	Trần Đức Trung	Nam	20/03/1998	96,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1704	L1-1705	Phạm Việt Trung	Nam	18/04/1991	82,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	
1705	L1-1706	Trịnh Văn Trung	Nam	28/05/1985	96,25	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1706	L1-1707	Nguyễn Văn Trung	Nam	24/08/1982	83,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1707	L1-1708	Lê Như Trung	Nam	23/09/2002	87,50	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1708	L1-1709	Hoàng Ngọc Trường	Nam	01/10/2007	90,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1709	L1-1710	Nguyễn Đan Trường	Nam	18/01/2001	75,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1710	L1-1711	Nguyễn Văn Trường	Nam	11/02/1998	82,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1711	L1-1712	Nguyễn Thế Trường	Nam	27/04/1970	55,00	Không đạt	75,00	Đạt	Không đạt	
1712	L1-1713	Trịnh Quốc Trường	Nam	09/09/2002	95,00	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1713	L1-1714	Nguyễn Đồng Trường	Nam	10/03/2003	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1714	L1-1715	Phùng Quang Tú	Nam	12/11/1984	83,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1715	L1-1716	Nguyễn Văn Tú	Nam	07/09/1989	92,50	Đạt	95,00	Đạt	Đạt	
1716	L1-1717	Đào Doãn Tuấn	Nam	18/08/1990	91,25	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1717	L1-1718	Hồ Văn Tuấn	Nam	29/11/1986	93,75	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1718	L1-1719	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	18/04/1990	90,00	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1719	L1-1720	Nguyễn Trọng Tuấn	Nam	17/07/1984	82,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1720	L1-1721	Lương Việt Tuấn	Nam	27/06/1980	93,75	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1721	L1-1722	Trần Văn Tuấn	Nam	11/03/1983	86,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1722	L1-1723	Đoàn Quốc Tuấn	Nam	05/05/1994	92,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1723	L1-1724	Lê Trọng Tuấn	Nam	30/10/1977	96,25	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1724	L1-1725	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	14/06/1980	93,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1725	L1-1726	Trần Mạnh Tuấn	Nam	30/10/1992	95,00	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1726	L1-1727	Trương Anh Tuấn	Nam	08/12/1977	92,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1727	L1-1728	Nguyễn Công Tuấn	Nam	02/11/1996	95,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1728	L1-1729	Phạm Anh Tuấn	Nữ	22/06/1966	90,00	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1729	L1-1730	Đỗ Mạnh Tuấn	Nam	02/01/1986	82,50	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1730	L1-1731	Lê Anh Tuấn	Nam	17/06/1998	95,00	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1731	L1-1732	Trịnh Văn Tuấn	Nam	04/05/1990	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1732	L1-1733	Dương Đình Tuấn	Nam	19/05/1994	87,50	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1733	L1-1734	Lê Anh Tuấn	Nam	05/12/1979	92,50	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1734	L1-1735	Lê Xuân Tuất	Nam'	22/03/1982	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1735	L1-1736	Ngô Thanh Tùng	Nam	14/08/1991	58,75	Không đạt	78,75	Đạt	Không đạt	
1736	L1-1737	Nguyễn Văn Tùng	Nam	12/09/1992	86,25	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1737	L1-1738	Tổng Văn Tùng	Nam	07/09/1990	92,50	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1738	L1-1739	Phan Hữu Tùng	Nam	24/08/1989	93,75	Đạt	96,25	Đạt	Đạt	
1739	L1-1740	Nguyễn Văn Tùng	Nam	10/12/2981	72,50	Đạt	93,75	Đạt	Đạt	
1740	L1-1741	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	03/02/1988		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1741	L1-1742	Trần Thanh Tùng	Nam	27/10/1990	93,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1742	L1-1743	Nguyễn Văn Tùng	Nam	04/11/2003	87,50	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1743	L1-1744	Nguyễn Xuân Tùng	Nam	15/08/1983	92,50	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1744	L1-1745	Nguyễn Duy Tùng	Nam	13/04/1999	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1745	L1-1746	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	16/12/1985	70,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1746	L1-1747	Trần Thị Tươi	Nữ	15/03/1996	91,25	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1747	L1-1748	Nguyễn Việt Tường	Nam	20/11/1982		Không đạt		Không đạt	Không đạt	
1748	L1-1749	Đinh Mạnh Tường	Nam	23/07/1983	78,75	Đạt	75,00	Đạt	Đạt	
1749	L1-1750	Nguyễn Đức Tuyên	Nam	05/07/2005	73,75	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1750	L1-1751	Phùng Quý Tuyên	Nam	17/09/1999	95,00	Đạt	90,00	Đạt	Đạt	
1751	L1-1752	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	02/02/1992	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1752	L1-1753	Phạm Công Tuyên	Nam	20/08/1988	87,50	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1753	L1-1754	Nguyễn Thị Tuyên	Nữ	15/10/1984	88,75	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1754	L1-1755	Nghiêm Quang Tuyên	Nam	02/01/2004	96,25	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1755	L1-1756	Nguyễn Thanh Tuyên	Nữ	04/08/1990	92,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1756	L1-1757	Nguyễn Thanh Tuyên	Nữ	16/12/1994	93,75	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1757	L1-1758	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	26/07/1994	85,00	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1758	L1-1759	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	26/08/1979	77,50	Đạt	80,00	Đạt	Đạt	
1759	L1-1760	Đặng Thị Tuyết	Nữ	24/08/1994	82,50	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1760	L1-1761	Nguyễn Thị Anh Tuyết	Nữ	02/01/1988	86,25	Đạt	93,50	Đạt	Đạt	
1761	L1-1762	Nguyễn Thị Thúy Vân	Nữ	19/02/2001	76,25	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Phần Kiến thức Cơ sở		Phần Kiến thức Chuyên môn		Kết quả chung	Ghi chú
					Điểm thi	Kết quả	Điểm thi	Kết quả		
1762	L1-1763	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	12/12/1982	73,75	Đạt	77,50	Đạt	Đạt	
1763	L1-1764	Vũ Hồng Vân	Nữ	06/11/2003	68,75	Không đạt	83,75	Đạt	Không đạt	
1764	L1-1765	Phạm Quốc Vân	Nam	05/09/1988	87,50	Đạt	91,25	Đạt	Đạt	
1765	L1-1766	Nguyễn Thế Văn	Nam	09/06/1991	71,25	Đạt	88,75	Đạt	Đạt	
1766	L1-1767	Đỗ Thị Vị	Nữ	25/01/1996	87,50	Đạt	81,25	Đạt	Đạt	
1767	L1-1768	Đặng Đình Việt	Nam	08/08/2002	88,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1768	L1-1769	Đình Khắc Việt	Nam	17/11/1989	88,75	Đạt	86,25	Đạt	Đạt	
1769	L1-1770	Nguyễn Đình Việt	Nam	19/10/1983	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1770	L1-1771	Nguyễn Tiến Vinh	Nam	28/12/1989	86,25	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1771	L1-1772	Nguyễn Thị Vinh	Nữ	01/10/1969	72,50	Đạt	62,50	Không đạt	Không đạt	
1772	L1-1773	Nguyễn Viết Vinh	Nam	25/02/1992	90,00	Đạt	85,00	Đạt	Đạt	
1773	L1-1774	Nguyễn Trọng Vĩnh	Nam	23/03/1979	91,25	Đạt	92,50	Đạt	Đạt	
1774	L1-1775	Trần Hoàng Vũ	Nam	26/05/1981	87,50	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1775	L1-1776	Trần Văn Vương	Nam	08/05/1977	86,25	Đạt	68,75	Không đạt	Không đạt	
1776	L1-1777	Dương Công Xoay	Nam	11/03/1984	87,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1777	L1-1778	Trần Thị Xuyên	Nữ	05/01/1989	85,00	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1778	L1-1779	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	08/02/1995	95,00	Đạt	87,50	Đạt	Đạt	
1779	L1-1780	Nguyễn Thị Yến	Nữ	20/05/1985	88,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1780	L1-1781	Nguyễn Minh Yến	Nữ	16/04/1996	92,50	Đạt	82,50	Đạt	Đạt	
1781	L1-1782	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	12/08/1987	88,75	Đạt	78,75	Đạt	Đạt	
1782	L1-97	Phùng Văn Cương	Nam	13/03/1987	92,50	Đạt	83,75	Đạt	Đạt	